

Số hiệu văn bản: 07/2026/SP-TPB.CB

Ngày hiệu lực: 02/04/2026

Điều 1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Các từ ngữ sử dụng trong Điều khoản và Điều kiện này được hiểu như sau:

- “Hợp Đồng”**: Là sự thỏa thuận bằng văn bản, tài liệu giao dịch giữa Ngân hàng và Khách Hàng khi thực hiện giao kết Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ đa năng Quốc tế với sự quy định rõ ràng quyền và nghĩa vụ của mỗi bên. Bao gồm nhưng không giới hạn *Giấy đăng ký kèm hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ đa năng Quốc tế dành cho Khách hàng Tổ chức (BM01a.SP02/DN/THE)¹; Giấy đề nghị phát hành và sử dụng Thẻ Phụ Thẻ đa năng Quốc tế kèm Phụ lục hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ đa năng Quốc tế dành cho Khách hàng Tổ chức (BM01b.SP02/DN/THE); Giấy đề nghị sử dụng chức năng Thẻ tín dụng của Thẻ đa năng Quốc tế kèm phụ lục hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ đa năng Quốc tế dành cho Khách hàng Tổ chức (BM01c.SP02/DN/THE); Giấy đề nghị kèm phụ lục hợp đồng về thay đổi hạn mức Thẻ và Tài sản bảo đảm dành cho Khách hàng Tổ chức (BM02.SP02/DN/THE) và Điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ đa năng Quốc tế dành cho Khách hàng Tổ chức (BM03.SP02/DN/THE).*
- “Điều Khoản Và Điều Kiện”**: Là Điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ đa năng quốc tế dành cho Khách Hàng Tổ chức này, là một phần không tách rời của Hợp Đồng, tạo thành một Hợp Đồng phát hành và sử dụng Thẻ đa năng Quốc tế dành cho Khách hàng Tổ chức.
- “TPBank/Ngân hàng/NH”**: Là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong, tổ chức thực hiện hoạt động phát hành và thanh toán Thẻ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Tổ chức Thẻ quốc tế.
- “Khách Hàng”/“KH”**: Là Khách Hàng Tổ chức được TPBank phát hành Thẻ đa năng quốc tế theo quy định của TPBank, quy định của pháp luật.
- “Thẻ”**: Là Thẻ vật lý đa năng quốc tế do TPBank phát hành mang thương hiệu của TCTQT VISA, tích hợp chức năng của 02 loại thẻ ghi nợ quốc tế và thẻ tín dụng quốc tế, có tên thương mại là TPBank VISA FLASH BIZ.
- “Chủ Thẻ”**: Là Tổ chức được TPBank cung cấp Thẻ để sử dụng. Bao gồm Chủ Thẻ Chính và Chủ Thẻ Phụ.
- “Chủ Thẻ Chính”**: Là Tổ chức đứng tên thực hiện giao kết Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ với TPBank và có nghĩa vụ thực hiện Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ này. Chủ Thẻ Chính chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ các khoản nợ gốc, lãi, phí phát sinh liên quan đến việc sử dụng Thẻ theo hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ.
- “Chủ Thẻ Phụ”**: Là cá nhân được Tổ chức ủy quyền bằng văn bản và/hoặc Hợp đồng cho phép sử dụng Thẻ theo quy định pháp luật về hoạt động thẻ ngân hàng và quy định của pháp luật về ủy quyền. Chủ thẻ chính cam kết bằng văn bản thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ phát sinh liên quan đến việc sử dụng thẻ của Chủ thẻ phụ theo hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ.
- “Số Thẻ”**: Là dãy số bao gồm 16 chữ số được in trên mặt trước của Thẻ. Chủ Thẻ dùng số Thẻ để thực hiện các giao dịch liên quan đến tính năng của Thẻ.
- “Mã Số Xác Định Chủ Thẻ” (PIN)**: Là mã số mật được NH cấp cho Chủ Thẻ lần đầu và sau đó Chủ Thẻ thay đổi theo quy trình được xác định để sử dụng trong các giao dịch Thẻ. NH cung cấp PIN cho Chủ Thẻ bằng phương thức điện tử (PIN điện tử) hoặc phương thức khác tùy theo quy định của NH tại từng thời điểm.
- PIN Điện Tử**: Là PIN được NH cung cấp cho Chủ Thẻ bằng phương thức tin nhắn SMS tới số điện thoại của Chủ Thẻ đăng ký với NH và lưu tại hệ thống của NH. Việc triển khai phương thức PIN điện tử, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung liên quan đến yêu cầu cung cấp PIN của Chủ Thẻ, thời điểm

¹ Gọi tắt là Đơn

cấp/cấp lại PIN điện tử, thời hạn hiệu lực của PIN điện tử do NH quy định từng thời điểm và thông báo đến Chủ Thẻ theo cách thức NH cho là phù hợp.

11. **“Tài khoản thanh toán”**: Là tài khoản thanh toán bằng Việt Nam Đồng do KH mở tại TPBank liên kết với Thẻ và phục vụ các giao dịch thẻ của Chủ thẻ được TPBank chấp thuận.
12. **“Tài Khoản tín dụng”**: Là tài khoản Thẻ tín dụng của Chủ Thẻ do NH mở và quản lý việc sử dụng hạn mức tín dụng Thẻ được cấp theo Hợp đồng này. Chủ Thẻ Phụ sử dụng chung một tài khoản với Chủ Thẻ Chính.
13. **“Giao dịch Thẻ ghi nợ quốc tế”**: Là giao dịch sử dụng Thẻ để gửi, rút tiền mặt, chuyển khoản, thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ và sử dụng các dịch vụ được phép khác do TPBank, tổ chức thanh toán Thẻ cung ứng cho Chủ Thẻ.
14. **“Giao dịch Thẻ tín dụng quốc tế”**: Là giao dịch trong đó chủ thẻ sử dụng thẻ để rút tiền mặt, thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng các dịch vụ được phép khác do NH hoặc các tổ chức thanh toán thẻ khác cung ứng trong phạm vi hạn mức tín dụng được NH cấp.
15. **“Giao dịch Thẻ thành công”**: là giao dịch sử dụng Thẻ và/hoặc PIN được thực hiện thành công tại máy ATM, VTMs và ĐVCNT và được hệ thống TPBank ghi nhận với đầy đủ thông tin về số Thẻ, tên Chủ Thẻ cùng với chi tiết nghiệp vụ được thực hiện.
16. **“Thời Hạn Hiệu Lực Thẻ”**: Là thời hạn Chủ Thẻ được phép sử dụng Thẻ. Thời hạn hiệu lực được dập nổi hoặc in chìm trên Thẻ.
17. **“Máy Giao Dịch Tự Động”** (ATM – Automated Teller Machine): Là thiết bị mà Chủ Thẻ có thể sử dụng để thực hiện một hoặc một số các giao dịch như: gửi, nạp, rút tiền mặt, chuyển khoản, thanh toán hóa đơn, hàng hóa, dịch vụ, vắn tin tài khoản, đổi PIN, tra cứu thông tin Thẻ hoặc thực hiện một số giao dịch được phép khác theo quy định của Pháp luật.
18. **“Video Teller Machines”** (VTMs): Là loại máy giao dịch ngân hàng tương tác bằng hình ảnh (thông qua kênh Video) với cán bộ ngân hàng. Khách Hàng có thể tới máy này để giao dịch tự động hoặc giao dịch trực tiếp với nhân viên ngân hàng bằng công nghệ truyền hình trực tuyến thay vì phải có mặt tại các điểm giao dịch của TPBank. Ngoài các dịch vụ như máy ATM, máy VTMs còn thực hiện tự động các dịch vụ khác như: nộp tiền mặt; gọi điện hình ảnh trực tuyến...
19. **“Thiết Bị Chấp Nhận Thẻ Tại Điểm Bán”** (POS/mPOS): Là thiết bị đọc Thẻ, thiết bị đầu cuối được cài đặt và sử dụng tại các ĐVCNT mà Chủ Thẻ có thể sử dụng Thẻ để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ. Thiết bị chấp nhận thẻ có thể được lắp đặt tại chi nhánh, phòng giao dịch, điểm đại lý thanh toán (theo quy định tại Thông tư quy định về hoạt động đại lý thanh toán) của TCTTT để cung ứng tiền mặt cho Chủ Thẻ theo thỏa thuận giữa TCTTT và TCPHT phù hợp với phạm vi sử dụng Thẻ theo quy định của pháp luật.
20. **“Đơn Vị Chấp Nhận Thẻ”** (ĐVCNT): Là tổ chức hoặc cá nhân chấp nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ bằng Thẻ theo hợp đồng thanh toán Thẻ ký kết với TCTTT.
21. **“Tổ Chức Thẻ Quốc Tế”** (TCTQT): Là tổ chức được thành lập ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước ngoài, có thỏa thuận với NH, TCTTT và các bên liên quan khác để hợp tác phát hành và thanh toán Thẻ có mã tổ chức phát hành Thẻ do TCTQT cấp phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam và cam kết quốc tế.
22. **“Tổ Chức Thanh Toán Thẻ”** (TCTTT): Là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện thanh toán Thẻ theo quy định của pháp luật và của TCTQT.
23. **“Hạn Mức Tín Dụng”**: Là giá trị cấp tín dụng tối đa mà Khách Hàng được NH cho phép sử dụng tại một thời điểm.
24. **“Hạn Mức Tín Dụng Thẻ”**: Là giá trị tín dụng (Việt Nam đồng) tối đa được duy trì trong một thời hạn nhất định mà TPBank và Khách Hàng đã thỏa thuận trong Hợp đồng. HMTD Thẻ có thể thuộc hoặc không thuộc HMTD TPBank cấp cho Khách Hàng nhưng đảm bảo tuân thủ quy định về hạn chế cấp tín dụng, giới hạn cấp tín dụng theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Ngân hàng nhà nước từng thời kỳ.

25. **“Hạn Mức Thẻ (Thẻ Chính/Thẻ Phụ)”**: Là số tiền tối đa của từng Thẻ mà Tổ chức cho phép Chủ Thẻ Chính/Chủ Thẻ Phụ sử dụng trong một kỳ sao kê theo thỏa thuận giữa Tổ chức với Ngân hàng.
26. **“Hạn Mức Khả Dụng”**: Là hạn mức tín dụng Thẻ còn lại được phép sử dụng trong kỳ sao kê, sau khi trừ đi các khoản rút tiền mặt, thanh toán hàng hóa, dịch vụ, phí, lãi và các khoản phong tỏa khác.
27. **“Số dư khả dụng”**: Là số tiền có trong TKTT mà Khách Hàng có thể sử dụng để thực hiện các giao dịch Thẻ từ TKTT, bao gồm số tiền có trong TKTT sau khi trừ đi (i) số dư tối thiểu; (ii) các khoản tiền bị tạm khóa hoặc phong tỏa; (iii) các khoản phí và nghĩa vụ tài chính khác của Khách Hàng đối với NH.
28. **“Hạn Mức Sử Dụng Thẻ”**: Bao gồm hạn mức rút tiền mặt, hạn mức chi tiêu của Khách Hàng (bao gồm Thẻ Chính và Thẻ Phụ)
29. **“Chu Kỳ Tín Dụng”**: Là khoảng thời gian kể từ khi Chủ Thẻ bắt đầu sử dụng Hạn mức tín dụng Thẻ cho đến khi Chủ Thẻ hoàn trả lại toàn bộ dư nợ để khôi phục lại toàn bộ Hạn mức tín dụng Thẻ.
30. **“Hạn Mức Rút Tiền Mặt”**: Là mức rút tiền mặt tối đa mà Chủ Thẻ được cấp để thực hiện giao dịch rút tiền mặt tại các điểm rút tiền mặt.
31. **“Hạn Mức Chi Tiêu”**: Là mức chi tiêu tối đa Chủ Thẻ được cấp để thực hiện giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ tại Đơn vị chấp nhận Thẻ.
32. **“Hạn Mức Chi Tiêu Một Giao Dịch”**: Là mức chi tiêu tối đa Chủ Thẻ được cấp để thực hiện cho một giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ tại Đơn vị chấp nhận Thẻ
33. **“Kỳ Sao Kê”**: Là khoảng thời gian các thông tin về việc sử dụng HMTD Thẻ của KH được Ngân hàng thể hiện trên sao kê, được tính từ ngày sao kê của kỳ liền trước kỳ sao kê đến Ngày sao kê của kỳ tiếp theo với thời hạn kéo dài 1 tháng.
34. **“Sao Kê”**: Là bảng kê tài khoản liệt kê chi tiết các phát sinh trong kỳ Sao Kê (các khoản thanh toán, rút tiền mặt cùng phí và lãi phát sinh, các khoản trả nợ), dư nợ cuối kỳ, Giá Trị Thanh Toán Tối Thiểu, ngày đến hạn thanh toán và các thông tin khác. Sao Kê được gửi cho Chủ Thẻ Chính hàng tháng sau ngày Sao Kê để làm căn cứ trả nợ.
35. **“Ngày Sao Kê”**: Là ngày NH lập sao kê tài khoản và do NH quy định.
36. **“Ngày Đến Hạn”**: Là ngày cuối cùng mà Chủ Thẻ Chính phải thanh toán cho NH các khoản chi tiêu cùng phí và lãi phát sinh trong kỳ sao kê theo quy định của NH.
37. **“Ngày Chuyển Nợ Quá Hạn”**: Là ngày liền kề sau ngày đến hạn thanh toán mà Chủ Thẻ chưa thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn Mức trả nợ tối thiểu.
38. **“Giá Trị Thanh Toán Tối Thiểu”**: Là khoản tiền tối thiểu Khách Hàng phải thanh toán cho NH trong mỗi kỳ sao kê theo quy định của NH.
39. **“Số Dư Nợ”**: Là số dư nợ cuối kỳ của Tài Khoản Thẻ bao gồm giá trị các giao dịch Thẻ, phí và lãi phát sinh liên quan đến việc sử dụng Thẻ được liệt kê trong sao kê.
40. **“Tài Sản Bảo Đảm”**: Là tiền ký quỹ, giấy tờ có giá hoặc tài sản khác đáp ứng quy định của NH, được NH chấp nhận làm tài sản bảo đảm cho việc sử dụng hạn mức tín dụng của Chủ Thẻ Chính và không dùng để thanh toán ở các kỳ sao kê (đối với trường hợp tài sản bảo đảm là tiền).
41. **“Tỷ Giá Quy Đổi”**: Tất cả các giao dịch được chuyển đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá của TCTQT và/hoặc theo tỷ giá quy đổi của NH tại thời điểm giao dịch được cập nhập vào hệ thống của Ngân hàng.
42. **“Nợ Quá Hạn”**: Là khoản dư nợ của Thẻ tín dụng bao gồm một phần hoặc toàn bộ dư nợ gốc và/hoặc nợ lãi mà Khách Hàng không thanh toán khi đến hạn trả nợ theo quy định tại Bản Điều khoản và Điều kiện này.
43. **“Nợ Xấu”**: Là nợ từ nhóm 3 trở lên theo phân loại nợ do Pháp luật quy định.

44. **“Lãi Suất”**: Là lãi suất cấp tín dụng mà TPBank áp dụng đối với các khoản cấp tín dụng thông qua phát hành Thẻ, bao gồm lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn.
45. **“Lãi Suất Trong Hạn”**: Là lãi suất theo Biểu lãi suất do TPBank công bố trong từng thời kỳ.
46. **“Lãi Suất Quá Hạn”**: Là mức lãi suất tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn theo quy định của TPBank trong từng thời kỳ.
47. **“Bản Sao”**: Là bản sao có chứng thực hoặc bản sao có bản gốc để đối chiếu (do cán bộ bán hàng đối chiếu với bản gốc, ký xác nhận và ghi rõ thời gian đối chiếu).
48. **“Thanh Toán Trên Internet”**: Là giao dịch thanh toán, mua sắm hàng hóa, dịch vụ trực tuyến bằng Thẻ tín dụng.
49. **“TPBank Biz” (Dịch Vụ Ngân Hàng Trực Tuyến)**: Là ứng dụng của TPBank được cài đặt trên thiết bị điện tử có nối mạng (internet, điện thoại di động (mobile)...) cho phép Khách Hàng sử dụng dịch vụ do TPBank cung cấp trên môi trường mạng để thực hiện các giao dịch điện tử theo thỏa thuận với TPBank. Để giao dịch Thẻ trên TPBank Biz, Khách Hàng phải thỏa thuận sử dụng dịch vụ với TPBank, chấp thuận các điều kiện, điều khoản do TPBank quy định và đồng ý, chấp thuận, chịu trách nhiệm toàn bộ với các giao dịch Thẻ/giao dịch liên quan đến Thẻ được thực hiện bằng các tên truy cập (user) mà Khách Hàng đã đăng ký với TPBank trên TPBank Biz.
50. **“EMV 3-D Secure”/”Hình thức xác nhận EMV 3DS”**: Là hình thức xác nhận giao dịch điện tử trên cơ sở đánh giá rủi ro đối với giao dịch thanh toán thẻ trực tuyến theo tiêu chuẩn EMV 3-D Secure trực tuyến, bằng cách yêu cầu xác thực danh tính người dùng trong quá trình giao dịch.

Điều 2. HẠN MỨC

1. Hạn Mức Tín Dụng: NH sẽ cấp một hạn mức tín dụng vào Tài Khoản Tín dụng. Phụ thuộc vào kết quả đánh giá hợp lý các rủi ro tín dụng liên quan đến Tài Khoản Thẻ hoặc Chủ Thẻ và những thông tin mà NH có được, NH có toàn quyền (nhưng không có nghĩa vụ) tăng/giảm hạn mức tín dụng đến một mức mà NH cho là phù hợp, bao gồm cả trường hợp NH thực hiện tăng/giảm hạn mức tự động. Nếu KH không yêu cầu cấp Hạn Mức Tín Dụng khi mở Thẻ thì mặc định hạn mức = 0 (“Không”).
2. NH sẽ thông báo cho Chủ Thẻ về sự thay đổi hạn mức thông qua địa chỉ thư điện tử mà Chủ thẻ đăng ký với NH và/hoặc dưới bất kỳ hình thức nào mà NH cho là phù hợp. Với trường hợp NH thực hiện tăng hạn mức tự động, trong thời gian 07 ngày kể từ ngày NH gửi thông báo, nếu NH không nhận được phản hồi từ chối bằng văn bản từ Chủ Thẻ và Chủ thẻ không có yêu cầu đóng thẻ, điều này được hiểu Chủ Thẻ đồng ý với việc thực hiện tăng hạn mức Thẻ của NH.
 - 2.1 Hạn Mức Khả Dụng: là số tiền tối đa Chủ Thẻ được phép chi tiêu tại một thời điểm bất kỳ. Hạn Mức Khả Dụng bằng Hạn Mức Tín Dụng trừ đi tổng dư nợ các giao dịch phát sinh từ Thẻ nhưng chưa thanh toán (bao gồm cả dư nợ phí, lãi) tại từng thời điểm (“Dư Nợ Hiện Tại”) cộng với số dư có của Tài khoản Thẻ tại từng thời điểm (nếu có).
 - 2.2 Hạn Mức Giao Dịch: Mỗi Thẻ được cấp một hạn mức đối với từng loại giao dịch bao gồm giao dịch thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ, rút tiền mặt và các hình thức giao dịch khác (“Giao Dịch Thẻ”) do NH toàn quyền quyết định tại từng thời kỳ. NH có toàn quyền cho phép thực hiện bất kỳ Giao Dịch Thẻ nào vượt quá hạn mức tín dụng hoặc hạn mức rút tiền mặt được quy định, hoặc giảm/tăng các hạn mức này thông qua việc đánh giá rủi ro tín dụng của Chủ Thẻ hoặc Tài Khoản Thẻ của Chủ Thẻ và chỉ thông báo trước cho Chủ Thẻ trong trường hợp pháp luật có yêu cầu.
 - 2.3 Chủ Thẻ có quyền yêu cầu NH tăng/giảm Hạn Mức Tín Dụng, Thời hạn cấp hạn mức tín dụng. Căn cứ trên nhu cầu của Chủ Thẻ, NH được quyền chấp nhận hoặc từ chối việc tăng/giảm Hạn Mức Tín Dụng, Thời hạn cấp hạn mức tín dụng cho Chủ Thẻ theo quy định hiện hành của NH.

Điều 3. THẺ CHÍNH VÀ THẺ PHỤ

1. Khách hàng/Chủ thẻ có quyền yêu cầu NH phát hành 01 Thẻ Chính và tối đa 10 (mười) Thẻ Phụ hoặc theo quyết định phê duyệt của NH.
2. Với chức năng Thẻ tín dụng Quốc tế:

- a) Chủ Thẻ Phụ sẽ được dùng hạn mức tối đa bằng hạn mức của Chủ Thẻ Chính. Trường hợp hạn mức tín dụng của Chủ Thẻ Chính thay đổi thì hạn mức tín dụng của Chủ Thẻ Phụ vẫn phải tuân thủ nguyên tắc này.
 - b) Chủ Thẻ Chính và (các) Chủ Thẻ Phụ cùng sử dụng chung một tài khoản đối với hạn mức tín dụng mà NH cấp cho Chủ Thẻ Chính để quản lý hạn mức tín dụng Thẻ. Chủ Thẻ Chính cam kết bằng văn bản chịu trách nhiệm thanh toán cho NH toàn bộ các nghĩa vụ phát sinh liên quan đến việc sử dụng Thẻ của (các) Chủ Thẻ Phụ theo Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ.
 - c) Giao dịch của (các) Chủ Thẻ Phụ được thể hiện trên cùng một sao kê và được gửi cho Chủ Thẻ Chính để thanh toán.
 - d) Chủ Thẻ Phụ chịu trách nhiệm liên đới và chịu trách nhiệm cá nhân trong việc thực hiện Điều khoản và Điều kiện này. Việc mất khả năng thực hiện Điều khoản và Điều kiện này của Chủ Thẻ Chính vì bất kỳ lý do gì và trong bất kỳ trường hợp nào cũng không làm giải trừ nghĩa vụ liên đới của (các) Chủ Thẻ Phụ trong việc thực hiện Điều khoản và Điều kiện này.
3. Trường hợp Chủ Thẻ Chính cơ cấu lại/bị giải thể/phá sản/phần lớn tài sản bị phong tỏa, Chủ Thẻ Phụ bị chết, mất tích, hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì việc thực hiện Điều khoản và Điều kiện này được thực hiện theo quy định của pháp luật.
 4. Chủ Thẻ Chính có quyền yêu cầu NH ngừng việc sử dụng Thẻ của Chủ Thẻ Phụ bằng văn bản. Nếu Chủ Thẻ Chính chính thức chấm dứt sử dụng Thẻ, chấm dứt Hợp đồng với NH thì việc sử dụng Thẻ của Chủ Thẻ Phụ đương nhiên chấm dứt theo.
 5. Chủ thẻ phải bảo quản thẻ, bảo mật PIN, các mã số xác nhận chủ thẻ khác, các thông tin thẻ, thông tin giao dịch, không để lộ thông tin thẻ; thông báo và phối hợp với TPBank để xử lý khi xảy ra các trường hợp mất thẻ hoặc có yêu cầu tra soát, khiếu nại.

Điều 4. CÁC LOẠI PHÍ, KHOẢN PHẠT KHI PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG THẺ

1. Phí phát hành: là khoản phí chủ thẻ phải trả khi đăng ký phát hành thẻ lần đầu.
2. Phí phát hành lại thẻ: là khoản phí chủ thẻ phải trả khi chủ thẻ yêu cầu thay thế thẻ trước ngày hết hạn của thẻ.
3. Phí cấp lại PIN: là khoản phí chủ thẻ phải trả khi chủ thẻ yêu cầu cấp lại PIN. Mức phí áp dụng theo quy định của NH từng thời kỳ.
4. Phí dịch vụ phát hành nhanh: là khoản phí chủ thẻ phải trả (chưa bao gồm các phí phát hành liên quan) khi chủ thẻ yêu cầu lấy thẻ trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành thủ tục phát hành và hồ sơ đề nghị phát hành Thẻ của chủ thẻ được NH chấp nhận.
5. Phí thường niên: Là khoản phí chủ thẻ phải trả định kỳ hàng năm để duy trì hiệu lực của Thẻ và việc cung cấp, quản lý, các dịch vụ liên quan đến việc phát hành, sử dụng và quản lý Thẻ trong thời gian Thẻ còn hiệu lực. Phí Thường niên được thu theo biểu phí dịch vụ Thẻ của TPBank và các văn bản sửa đổi/bổ sung/thay thế từng thời kỳ. Phí thường niên năm đầu tiên sẽ được thu tại thời điểm phát hành thẻ thành công. Phí thường niên các năm tiếp theo sẽ thu tự động vào tháng phát hành thẻ hàng năm (căn cứ vào thời hạn hiệu lực thẻ).
6. Phí rút tiền mặt: là khoản phí chủ thẻ phải trả khi thực hiện các giao dịch rút tiền tại ATM. Khoản phí này chưa bao gồm các khoản phí khác (nếu có) theo quy định của TCTTT (đơn vị quản lý ATM).
7. Phí chậm thanh toán (áp dụng với chức năng thẻ tín dụng): là khoản phí chủ thẻ phải trả khi chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn Giá trị thanh toán tối thiểu trước Ngày đến hạn. Khoản phí này được tính trên phần giá trị số tiền thanh toán tối thiểu chưa trả hết của kỳ sao kê gần nhất tại ngày quá hạn.
8. Phí khiếu nại sai: là khoản phí chủ thẻ phải trả khi chủ thẻ khiếu nại không đúng hay không chính xác các giao dịch.
9. Phí cấp bản sao sao kê theo yêu cầu: là khoản phí chủ thẻ phải trả khi chủ thẻ yêu cầu cấp thêm bản sao sao kê ngoài bản chính mà NH đã gửi cho chủ thẻ hàng tháng.

10. Phí cấp bản sao hoá đơn giao dịch: là khoản phí chủ thẻ phải trả khi chủ thẻ yêu cầu cấp bản sao hoá đơn giao dịch ngoài hoá đơn mà chủ thẻ đã nhận tại ĐVCNT.
11. Phí chuyển đổi giao dịch ngoại tệ: là khoản phí chủ thẻ phải trả khi chủ thẻ thực hiện các giao dịch bằng đồng ngoại tệ do TCTQT và NH quy định. Khoản phí này được tính trên số tiền giao dịch, tùy thuộc vào đơn vị tiền tệ của giao dịch và thời điểm giao dịch được cập nhật vào hệ thống quản lý thẻ của NH.
12. Phí rút tiền thừa từ chức năng thẻ tín dụng: là khoản phí chủ thẻ phải trả khi thực hiện rút phần tiền thừa còn lại trong tài khoản thẻ.
13. Phí tắt toán thẻ: là khoản phí chủ thẻ phải trả khi đề nghị TPBank chấm dứt việc sử dụng thẻ trong vòng 12 tháng kể từ ngày được cấp.
14. Phí quản lý giao dịch đồng Việt Nam tại các đơn vị chấp nhận thẻ nước ngoài: là khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ thực hiện các giao dịch bằng đồng Việt Nam (VND) tại các đơn vị chấp nhận thẻ có mã nước khác Việt Nam căn cứ trên thông tin mà ngân hàng thanh toán gửi về. Khoản phí này được tính trên số tiền giao dịch và số phí do TCTTT thu (nếu có) theo quy định của TCTTT.
15. Phí xử lý các giao dịch quốc tế đặc biệt: là khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ thực hiện các giao dịch có giá trị dưới 500,000 VND tại các đơn vị chấp nhận thẻ có mã phân loại đơn vị chấp nhận thẻ là 5816, 7311, 7999 căn cứ trên thông tin mà TPBank nhận được từ Ngân hàng thanh toán gửi về. Khoản phí này được tính trên số tiền giao dịch và số phí do TCTTT thu (nếu có) theo quy định của TCTTT.
16. Phạt vi phạm quy định giao dịch thẻ: là khoản phạt mà Chủ thẻ phải trả cho NH trong trường hợp có phát sinh các giao dịch liên quan đến sử dụng thẻ của Chủ thẻ được NH đánh giá, xác định là vi phạm/ nghi ngờ vi phạm quy định về sử dụng hạn mức tín dụng và thanh toán thẻ tín dụng theo quy định của Pháp luật và NH trong từng thời kỳ hoặc vi phạm Điều khoản và Điều kiện này, mà Chủ thẻ không chứng minh được các giao dịch này phù hợp với quy định của Pháp luật và NH trong thời hạn theo yêu cầu của NH. Mức phạt này được tính trên tổng giao dịch thẻ phát sinh vi phạm của Chủ thẻ do TPBank hoặc TCTTT phát hiện, đánh giá và xác định trong kỳ sao kê.
17. Các loại phí, phạt khác theo quy định của NH.
18. Mức phí, phạt quy định tại Điều này được áp dụng theo Biểu phí do NH ban hành trong từng thời kỳ, được công bố công khai tại trụ sở của NH và trên website của NH. Khi có sự thay đổi mức phí/các loại phí, phạt NH sẽ thực hiện thông báo và cung cấp thông tin về phí, phạt cho chủ thẻ qua thư điện tử của KH đã đăng ký với NH và/hoặc bằng các hình thức mà NH cho là phù hợp. Thời điểm áp dụng thay đổi Biểu phí, phạt kể từ khi có sự thay đổi (nếu có) tuân theo quy định của Pháp luật và TPBank trong từng thời kỳ

Điều 5. CHỨC NĂNG THẺ TÍN DỤNG QUỐC TẾ

1. Hạn mức tín dụng, thời hạn cấp hạn mức tín dụng và hạng Thẻ

Căn cứ đề nghị của Chủ thẻ chính, NH cấp hạn mức tín dụng, thời hạn cấp hạn mức tín dụng và hạng Thẻ cho Chủ Thẻ theo quy định của NH.

2. Mục đích sử dụng Thẻ

Khách Hàng cam kết sử dụng Thẻ đúng mục đích phục vụ nhu cầu chi tiêu cho các mục đích hợp pháp của Doanh Nghiệp (tiếp khách, thanh toán,...) mà Khách Hàng và TPBank đã thỏa thuận và không được sử dụng Hạn Mức Tín Dụng Thẻ để thực hiện các mục đích sau:

- a) Trả lãi vay/ nợ gốc đến hạn của các khoản vay tại TPBank/TCTD khác/tổ chức, cá nhân khác;
- b) Chuyển khoản; nạp tiền/ ghi có vào tài khoản thanh toán, Thẻ ghi nợ hoặc Thẻ trả trước;
- c) Nạp tiền vào ví điện tử;
- d) Thanh toán các hàng hóa, dịch vụ bị cấm, không đúng quy định pháp luật;
- e) Thực hiện các giao dịch khống, giao dịch thanh toán hộ;

- f) Thực hiện các giao dịch nhằm mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, lừa đảo, gian lận hoặc có hành vi vi phạm pháp luật khác.

3. Phạm vi sử dụng Thẻ

- a) Chủ Thẻ chỉ được phép sử dụng Thẻ và HMTD của Thẻ để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ hợp pháp trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam theo quy định của NH và TCTQT (không bao gồm chuyển khoản hoặc ghi có vào tài khoản thanh toán, Thẻ ghi nợ, Thẻ trả trước, ví điện tử) khi Chủ Thẻ đáp ứng toàn bộ các điều kiện cấp tín dụng, phát hành Thẻ tín dụng theo quy định của Pháp luật và của TPBank trong từng thời kỳ.
- b) Chủ Thẻ được sử dụng Thẻ để rút tiền mặt tại các ATM/VTM/POS/mPOS của NH và của các TCTTT trong nước/nước ngoài có biểu tượng của TCTQT, thanh toán tiền hàng hóa/dịch vụ tại các ĐVCNT, qua Internet... hoặc sử dụng các dịch vụ được phép khác do TPBank/ các TCTTT khác có hệ thống Thẻ kết nối với hệ thống Thẻ của TPBank dưới hình thức kết nối trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc một số tổ chức bù trừ điện tử giao dịch Thẻ hoặc các tổ chức thanh toán thẻ khác cung ứng.
- c) Chủ thẻ chính và Chủ thẻ phụ chỉ được sử dụng Thẻ (bao gồm Thẻ chính và Thẻ phụ) để thực hiện giao dịch thẻ bằng Phương tiện điện tử khi đã hoàn thành việc đối chiếu đảm bảo khớp đúng GTTT và thông tin Sinh trắc học của Người đại hợp pháp của Doanh nghiệp nhưng không áp dụng yêu cầu này đối với các trường hợp sau:
- Thực hiện giao dịch bằng thẻ vật lý tại máy giao dịch tự động;
 - Thanh toán tại thiết bị chấp nhận thẻ tại điểm bán;
 - Rút tiền mặt tại thiết bị chấp nhận thẻ được lắp đặt tại chi nhánh, phòng giao dịch, điểm đại lý thanh toán của TCTTT để cung ứng tiền mặt cho Chủ thẻ;
 - Trích nợ tự động theo thỏa thuận giữa TPBank và Chủ thẻ;
 - Các đối tượng KH theo quy định của TPBank từng thời kỳ.

Ngoài ra, Chủ thẻ phụ được sử dụng thẻ để thực hiện giao dịch bằng phương tiện điện tử khi Tổ chức đã thực hiện quy định tại điểm c) Khoản 3 Điều này và đăng ký với TPBank cho phép Chủ thẻ phụ đó được thực hiện giao dịch thẻ bằng phương tiện điện tử.

- d) Chủ Thẻ có thể sử dụng thông tin Thẻ và thông qua việc sử dụng các yếu tố xác thực Chủ Thẻ như số PIN và/hoặc số CVV2/CVC để thực hiện giao dịch internet và các giao dịch khác theo đăng ký với TPBank (việc đăng ký để sử dụng các giao dịch này tuân theo quy định của Pháp luật và quy định của TPBank từng thời kỳ).
- e) Các hành vi bị cấm sử dụng Thẻ Tín Dụng:
- Làm, sử dụng, chuyển nhượng và lưu hành Thẻ giả;
 - Thực hiện tổ chức thực hiện hoặc tạo điều kiện để người khác thực hiện các hành vi giao dịch Thẻ gian lận, giả mạo; giao dịch thanh toán khống/giao dịch thanh toán hộ tại ĐVCNT (không phát sinh việc mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ);
 - Lấy cắp, thông đồng để lấy cắp thông tin Thẻ; tiết lộ và cung cấp thông tin Thẻ; Chủ Thẻ và giao dịch không đúng quy định của pháp luật;
 - Xâm nhập hoặc tìm cách xâm nhập trái phép; phá hủy chương trình hoặc cơ sở dữ liệu của hệ thống phát hành, thanh toán Thẻ, chuyển mạch Thẻ, bù trừ điện tử giao dịch Thẻ;
 - Sử dụng Thẻ để thực hiện các giao dịch cho các mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, lừa đảo, gian lận và các hành vi vi phạm pháp luật khác;
 - Mua, bán, thuê, cho thuê Thẻ hoặc thông tin Thẻ, mở hộ Thẻ;

- Sử dụng Thẻ để chuyển khoản (hoặc ghi có) vào tài khoản thanh toán, Thẻ ghi nợ, Thẻ trả trước, ví điện tử. Sửa chữa, tẩy xóa thông tin trên thẻ, chứng từ thanh toán không đúng quy định pháp luật.
- f) Trong phạm vi hạn mức tín dụng Thẻ được cấp, Chủ Thẻ phải tuân theo hạn mức sử dụng Thẻ dưới đây:
- Hạn mức rút tiền mặt: Mỗi Chủ Thẻ được phép sử dụng Thẻ để rút tiền mặt trong phạm vi hạn mức rút tiền mặt nhất định. Hạn mức rút tiền mặt là số tiền mặt tối đa chủ thẻ được phép rút trong một kỳ sao kê, trong một ngày, trên một giao dịch bằng ngoại tệ tại các điểm chấp nhận thẻ ngoài lãnh thổ Việt Nam và trên một giao dịch theo quy định của NH tại từng thời điểm. Lưu ý:
 - + Đối với hạn mức rút ngoại tệ tiền mặt tại nước ngoài, một Thẻ được rút số ngoại tệ tiền mặt tối đa tương đương 30 (ba mươi) triệu đồng Việt Nam trong 01 (một) ngày.
 - + Tổng hạn mức rút tiền mặt đối với Chủ thẻ tính theo BIN của thẻ tín dụng tối đa là 100 (một trăm) triệu đồng Việt Nam trong 01 (một) tháng.
 - Hạn mức thanh toán hàng hóa, dịch vụ: Là một phần của hạn mức tín dụng Thẻ được sử dụng để thanh toán hàng hoá, dịch vụ trong một kỳ sao kê. Phần hạn mức rút tiền mặt mà Chủ Thẻ chưa sử dụng trong một kỳ sao kê sẽ được tự động chuyển sang hạn mức thanh toán hàng hoá, dịch vụ của kỳ sao kê đó.
 - Hạn mức quản lý sử dụng Thẻ: Là tổng hạn mức tín dụng và/hoặc tổng số lần sử dụng Thẻ trong một ngày hoặc một số ngày nhất định do Ngân hàng cấp cho Chủ Thẻ nhằm hạn chế các trường hợp rủi ro (nếu có) do việc sử dụng Thẻ giả mạo, Thẻ bị mất cắp, thất lạc.
 - Các hạn mức trên sẽ được NH quy định tại từng thời kỳ theo từng gói dịch vụ/hạng Thẻ mà KH đã đăng ký sử dụng. NH có quyền tự động điều chỉnh các hạn mức này theo quy định/chính sách của NH từng thời kỳ.
- g) Trong thời hạn cấp hạn mức tín dụng thẻ, TPBank có quyền thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ Khách Hàng đăng ký Thẻ có sử dụng chức năng Thẻ tín dụng quốc tế và được cấp hạn mức tín dụng, theo đó:
- TPBank có quyền thực hiện tạm khóa chức năng thẻ tín dụng của Khách hàng để kiểm soát rủi ro, xem xét quyết định việc tiếp tục duy trì, điều chỉnh hoặc chấm dứt hạn mức tín dụng Thẻ nếu hợp kết quả đánh giá cho thấy Khách hàng không còn đáp ứng điều kiện cấp hạn mức tín dụng, phát sinh dấu hiệu rủi ro tín dụng hoặc có biến động bất lợi về tình hình tài chính tương ứng với xếp hạng rủi ro trung bình/rủi ro cao;
 - Chấm dứt/ không tiếp tục cấp hạn mức tín dụng cho Khách Hàng. Theo đó, Khách Hàng đồng ý thanh toán toàn bộ dư nợ Thẻ hiện tại và làm thủ tục chấm dứt chức năng Thẻ tín dụng theo quy định của TPBank từng thời kỳ. Để làm rõ, sau khi chấm dứt chức năng Thẻ tín dụng, Khách Hàng được tiếp tục sử dụng Thẻ đa năng với chức năng ghi nợ đến hết thời hạn hiệu lực của thẻ theo quy định tại khoản này.
- h) Bằng việc chấp nhận Điều khoản và Điều kiện này, KH đồng ý lựa chọn chủ động thực hiện xác nhận bằng hình thức xác nhận EMV 3DS đối với tất cả giao dịch thanh toán thẻ trực tuyến bằng Thẻ TPBank. Bên cạnh đó, KH đồng ý để TPBank thực hiện xác nhận đối với tất cả hoặc một phần giao dịch thanh toán thẻ trực tuyến trong trường hợp sử dụng hình thức xác nhận EMV 3DS đối với các trường hợp sau: (i) Đơn vị chấp nhận thẻ và/hoặc Tổ chức thanh toán thẻ không triển khai hình thức xác nhận này; hoặc (ii) KH thay đổi lựa chọn và được TPBank chấp nhận phù hợp quy định và khả năng đáp ứng của TPBank từng thời kỳ; hoặc (iii) theo thỏa thuận giữa TPBank và KH từng thời kỳ.

4. Lãi suất thẻ tín dụng và cách tính lãi

- a) Lãi suất Thẻ tín dụng : Lãi suất Thẻ tín dụng trong hạn, lãi suất quá hạn đối với việc sử dụng Thẻ tín dụng sẽ do NH ban hành và được thay đổi theo từng thời kỳ, được công bố công khai tại trụ sở của NH và/hoặc trên website của NH.
- b) Cách tính lãi trong hạn: Đối với phần dư nợ phải trả lãi, tiền lãi được tính trên dư nợ thực tế của KH và thời gian phát sinh dư nợ thực tế (từ ngày các giao dịch được cập nhật vào hệ thống quản lý Thẻ của NH đến hết ngày Chủ Thẻ hoàn trả hết nợ). Tiền lãi được tính theo ngày, cộng dồn và được ghi nợ vào ngày sao kê. Thời điểm xác định số dư để tính lãi là cuối mỗi ngày trong thời gian phát sinh dư nợ thực tế (thời hạn tính lãi).
- c) Công thức tính lãi trong hạn: Số tiền lãi của từng kỳ sao kê được xác định theo công thức sau:

$$\text{Số tiền lãi} = \frac{\sum (\text{Dư nợ thực tế} \times \text{Thời gian phát sinh dư nợ thực tế} \times \text{Lãi suất tính lãi})}{365}$$

- d) Lãi suất Thẻ tín dụng trong hạn: Vào ngày đến hạn thanh toán, KH thanh toán tối thiểu theo sao kê thì lãi suất tính lãi là lãi suất Thẻ tín dụng đối với việc sử dụng Thẻ tín dụng sẽ do NH ban hành và được thay đổi theo từng thời kỳ, được công bố công khai tại trụ sở của NH và/hoặc trên website của NH.
- e) Lãi suất quá hạn: Vào ngày đến hạn thanh toán, KH không trả hoặc trả ít hơn giá trị thanh toán tối thiểu theo sao kê thì Ngày liền kề sau ngày đến hạn thanh toán là ngày bắt đầu quá hạn, Khách Hàng phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định của TPBank như sau:
- Nếu số ngày quá hạn dưới 60 ngày: KH sẽ chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất Thẻ tín dụng trong hạn đối với số tiền thanh toán tối thiểu chưa trả hết của kỳ sao kê gần nhất Kể từ ngày bắt đầu quá hạn đến ngày Khách Hàng hoàn trả hết dư nợ quá hạn.
 - Nếu số ngày quá hạn từ 60 ngày trở lên: KH sẽ phải chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất tín dụng trong hạn đối với toàn bộ dư nợ Thẻ chưa trả hết của kỳ sao kê gần nhất kể từ ngày bắt đầu quá hạn đến ngày Khách Hàng hoàn trả hết dư nợ quá hạn.

f) Nguyên tắc tính lãi quá hạn:

Đối với phần dư nợ quá hạn, tiền lãi được tính trên dư nợ quá hạn (không bao gồm các khoản lãi phát sinh trong kỳ) của Chủ Thẻ và thời gian quá hạn (từ ngày đến hạn thanh toán sao kê đến hết ngày liền kề trước ngày Chủ Thẻ hoàn trả hết nợ). Tiền lãi quá hạn được tính theo ngày, được cộng dồn và ghi nợ vào Ngày sao kê. Thời điểm xác định số dư để tính lãi quá hạn là cuối mỗi ngày trong thời gian phát sinh dư nợ quá hạn (thời gian quá hạn).

g) Cách tính lãi quá hạn:

$$\text{Số tiền lãi quá hạn} = \frac{\sum (\text{Dư nợ quá hạn} \times \text{Thời gian quá hạn} \times \text{Lãi suất quá hạn})}{365}$$

h) Các giao dịch tính lãi:

- Giao dịch rút tiền mặt: Ngoài thu phí giao dịch theo quy định trong từng thời kỳ, KH sẽ phải chịu tiền lãi Thẻ tín dụng ngay từ ngày Giao dịch được ghi nhận thanh quyết toán thành công trên hệ thống TPBank. Số tiền lãi từ ngày phát sinh giao dịch đến ngày sao kê đầu tiên được thể hiện ngay trên sao kê cùng kỳ. Số tiền lãi tiếp theo sau ngày sao kê đầu tiên ngày thanh toán được thể hiện trong sao kê (các) kỳ sao kê tiếp theo.
- Giao dịch thanh toán hàng hoá, dịch vụ/Giao dịch thu phí/Giao dịch thu lãi

- Nếu đến hạn thanh toán, KH thanh toán toàn bộ dư nợ vào trước hoặc vào ngày đến hạn thanh toán, KH được miễn lãi cho toàn bộ các giao dịch phát sinh trong kỳ sao kê đó.
 - Chậm nhất vào ngày đến hạn thanh toán, nếu KH không thanh toán toàn bộ dư nợ cuối kỳ, NH sẽ tính lãi đối với toàn bộ dư nợ của các giao dịch thanh toán hàng hoá, dịch vụ/giao dịch thu phí/giao dịch thu lãi phát sinh trong kỳ sao kê của Chủ Thẻ theo nguyên tắc quy định tại mục Cách tính lãi trên đây.
- Giao dịch tra soát: Các giao dịch tra soát vẫn tính phí và lãi theo nguyên tắc nêu tại mục Cách tính lãi trên đây. TPBank sẽ hoàn lại lãi và phí cho Chủ Thẻ đối với những giao dịch tra soát, khiếu nại đúng.
- i) Mức phí, phí chậm thanh toán, phạt có liên quan và lãi suất Thẻ tín dụng theo Biểu phí và Biểu lãi suất của Ngân hàng quy định từng thời kỳ.

5. Thanh toán nợ

5.1. Sao kê:

- NH quy định Ngày sao kê và Ngày thanh toán áp dụng đối với Thẻ tín dụng. Trường hợp Ngày thanh toán trùng với ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, Ngày thanh toán có thể được chuyển sang ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp Ngân hàng thực hiện điều chỉnh ngày thu nợ do việc chuyển ngày nêu trên, thông tin về ngày thu nợ thực tế sẽ được thể hiện trên Bản sao kê Thẻ tín dụng của Khách hàng.
- Vào ngày sao kê, NH sẽ liệt kê tất cả các giao dịch của Chủ Thẻ phát sinh trong kỳ sao kê đã được cập nhật trên hệ thống của TPBank. Các giao dịch ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá của Tổ chức Thẻ quốc tế (TCTQT), vào ngày xử lý giao dịch của TCTQT, NH sẽ thu (các) phí phát sinh theo quy định của NH trong từng thời kỳ.
- Sao kê được gửi cho Khách Hàng/Chủ thẻ chính qua hình thức phù hợp theo quy định của NH trong từng thời kỳ và tới địa chỉ mà Khách Hàng đăng ký với NH. Khách Hàng có trách nhiệm thông báo cho NH nếu thay đổi địa chỉ nhận sao kê. Trường hợp Khách Hàng thay đổi địa chỉ đăng ký nhận sao kê mà không thông báo cho NH, Khách Hàng phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.
- Trong trường hợp vì bất kỳ lý do gì ngoài khả năng kiểm soát của NH mà Khách Hàng không nhận được sao kê hàng tháng, Khách Hàng vẫn có trách nhiệm thanh toán các khoản phải trả trong kỳ, đồng thời thông báo cho Ngân hàng để kiểm tra nguyên nhân.

5.2. Thứ tự thanh toán nợ: Dư nợ sẽ được thanh toán theo thứ tự ưu tiên dưới đây và theo thứ tự thời gian giao dịch được cập nhật vào hệ thống: (1) Các khoản trả góp; (2) Các khoản phí; (3) Các khoản lãi; (4) Các khoản giao dịch rút tiền mặt; (5) Các khoản giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ

5.3. Thanh toán nợ:

- Khách Hàng có trách nhiệm kiểm tra và thanh toán đúng hạn cho NH tất cả các khoản nợ phát sinh ghi trên sao kê, mức ít nhất bằng giá trị thanh toán tối thiểu theo thông báo của NH trên sao kê. Khách Hàng phải gửi các thắc mắc của mình liên quan đến các giao dịch trên sao kê bằng văn bản cho NH trong vòng 7 ngày, kể từ ngày NH gửi sao kê. Nếu trong thời hạn đó, NH không nhận được thông báo của Khách Hàng thì coi như Khách Hàng đồng ý thanh toán tất cả các giao dịch, phí và lãi phát sinh thể hiện trên sao kê.
- Khách Hàng ủy quyền cho NH tự động ghi nợ tài khoản thanh toán của Khách Hàng mở tại NH để thanh toán dư nợ cuối kỳ hoặc giá trị thanh toán tối thiểu căn cứ đăng ký của Khách Hàng với Ngân hàng. Khách Hàng phải đảm bảo tài khoản này luôn đủ số dư cần thiết để NH ghi nợ trong khoảng thời gian quy định (từ sau ngày sao kê đến ngày đến hạn thanh toán). Nếu số dư trong tài khoản này không đủ để thanh toán dư nợ cuối kỳ/giá trị thanh toán tối thiểu, NH được quyền tự động trích toàn bộ số dư trên tài khoản để thanh toán nợ, Khách Hàng có trách nhiệm thanh toán

trực tiếp cho NH phần dư nợ còn lại đúng hạn và phải chịu các khoản phí, lãi, phạt phát sinh (nếu có).

- Việc thanh toán nợ của Khách Hàng chỉ được tính là thành công khi hệ thống của NH ghi nhận được giao dịch của Chủ Thẻ (NH nhận được báo có với số tiền thực báo có). Số tiền thanh toán nhận được sau giờ làm việc của NH sẽ được tính sang ngày làm việc kế tiếp. Hạn mức tín dụng của Chủ Thẻ Chính, hạn mức tín dụng của Chủ Thẻ Phụ sẽ được khôi phục bằng đúng số tiền Khách Hàng đã thanh toán vào ngày làm việc tiếp theo.
- Phần tiền thừa còn lại trong tài khoản Thẻ (nếu có) chỉ được NH hoàn trả lại cho Khách Hàng khi Khách Hàng đã chấm dứt sử dụng Thẻ và hoàn trả đầy đủ cho NH toàn bộ các khoản nợ gốc, lãi và phí, phạt, chi phí khác phát sinh trong quá trình sử dụng Thẻ của Chủ Thẻ.

5.4. Phương thức thanh toán nợ:

- a) Khách Hàng có thể lựa chọn một, một số hoặc tất cả những phương thức sau nhằm đảm bảo tài khoản của KH đủ số dư để thanh toán tối thiểu vào ngày đến hạn thanh toán
 - KH đăng ký và ủy quyền cho TPBank trích nợ tự động từ tài khoản thanh toán của Khách Hàng mở tại TPBank theo giá trị thanh toán tối thiểu hoặc toàn bộ dư nợ; và:
 - + Khách Hàng nộp tiền mặt trực tiếp tại các điểm giao dịch của TPBank hoặc chuyển khoản vào tài khoản thanh toán của TPBank đã đăng ký thu nợ Thẻ tín dụng.
 - + Khách Hàng chuyển tiền từ ngân hàng khác đến tài khoản thanh toán của TPBank đã đăng ký thu nợ Thẻ tín dụng.
 - Khách Hàng truy cập TPBank Biz của TPBank và chọn chức năng thanh toán dư nợ của chức năng Thẻ tín dụng của Thẻ.
 - Các hình thức khác bổ sung do TPBank quy định trong từng thời kỳ.
- b) Số tiền mà TPBank nhận được sẽ được tính vào ngày làm việc tiếp theo trong các trường hợp sau:
 - Nộp tiền mặt hoặc trích nợ từ tài khoản thanh toán tại quầy sau 18h00
 - Chuyển khoản từ Ngân hàng khác và/hoặc chuyển khoản từ các tài khoản trong cùng hệ thống TPBank đến tài khoản thanh toán đã đăng ký thu nợ Thẻ tín dụng sau 15h00
- c) Khách Hàng có thể chủ động thanh toán dư nợ tại bất cứ thời điểm nào theo các phương thức thanh toán dư nợ ở trên. Sau khi Khách Hàng thực hiện thanh toán dư nợ thành công (số tiền thanh toán được ghi nhận trên hệ thống Thẻ):
 - Đối với các yêu cầu thanh toán dư nợ Thẻ tín dụng tại quầy: Hạn mức tín dụng Thẻ được khôi phục bằng đúng số tiền Khách Hàng đã thực hiện thanh toán dư nợ thành công vào ngày hôm sau.
 - Đối với các yêu cầu thanh toán dư nợ Thẻ tín dụng tại TPBank Biz: Hạn mức tín dụng Thẻ được khôi phục bằng đúng số tiền Khách Hàng đã thực hiện thanh toán dư nợ thành công ngay sau khi thanh toán.

6. Chuyển nợ quá hạn và thu hồi nợ

- a) Thu hồi nợ
 - Nếu Khách Hàng chưa thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn mức trả nợ tối thiểu, trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc liền kề tiếp theo sau Ngày đến hạn của kỳ sao kê chưa thanh toán, TPBank được quyền xem xét và thực hiện việc khóa Thẻ tạm thời mà không cần thông báo đến Chủ Thẻ. TPBank sẽ chấm dứt việc khóa Thẻ tạm thời khi Khách Hàng thanh toán ít nhất mức trả nợ tối thiểu chưa thanh toán.
 - Nếu Khách Hàng chưa thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn giá trị thanh toán toàn bộ, trong vòng 60 (sáu mươi) ngày làm việc liền kề tiếp theo sau Ngày đến hạn của kỳ sao kê chưa

thanh toán, TPBank được quyền quyết định việc ngừng sử dụng Thẻ tạm thời mà không cần thông báo đến Chủ Thẻ. TPBank sẽ thực hiện thu nợ số tiền thanh toán toàn bộ theo kỳ sao kê gần nhất vào bất cứ thời điểm nào kể từ thời điểm KH quá hạn thanh toán.

- Sau 90 ngày kể từ Ngày đến hạn của kỳ sao kê chưa thanh toán, nếu Khách Hàng không thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn giá trị thanh toán toàn bộ, TPBank được toàn quyền khóa Thẻ vĩnh viễn mà không cần thông báo đến Chủ Thẻ, chấm dứt việc sử dụng Thẻ, thu hồi Thẻ, tiến hành các thủ tục thu hồi nợ vay và xử lý tài sản bảo đảm và chuyển toàn bộ số dư nợ chưa thanh toán sang nợ quá hạn.
- Trường hợp dư nợ Thẻ bị chuyển sang nợ quá hạn, Khách Hàng đồng ý cho TPBank được quyền trích nợ/tất toán các tài khoản (bao gồm cả tài khoản thanh toán chung), các khoản tiền gửi, tài sản gửi khác của Khách Hàng tại TPBank để thu nợ theo các phương thức mà TPBank lựa chọn mà không cần thêm bất cứ chấp thuận nào từ phía Khách Hàng. Trong trường hợp trích nợ/tất toán các khoản tiền gửi (Số tiết kiệm, Hợp đồng tiền gửi ...) của Khách Hàng để thanh toán các khoản dư nợ, TPBank được miễn trách nhiệm về việc chấm dứt trước hạn kỳ hạn gửi tiền của Khách Hàng. Việc xử lý tài sản để thu nợ sẽ được thực hiện theo quy định của TPBank và quy định của pháp luật.
- Trường hợp các tài sản đảm bảo không đủ để thu hồi nợ, Khách Hàng có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho đến khi tất toán mọi khoản nợ với NH.

b) Chuyển nợ quá hạn

- Sau 1 ngày kể từ Ngày đến hạn thanh toán nếu Chủ Thẻ không thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn mức trả nợ tối thiểu, toàn bộ dư nợ chưa thanh toán sẽ bị chuyển sang nợ quá hạn.
- Ngân hàng sẽ áp dụng phí chậm thanh toán và lãi quá hạn đối với các khoản nợ quá hạn phát sinh do KH không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số dư tối thiểu của kỳ sao kê.
- Trong vòng 30 ngày kể từ Ngày đến hạn thanh toán gần nhất, nếu Khách Hàng chưa thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn số tiền thanh toán tối thiểu, số tiền thanh toán tối thiểu chưa trả sẽ chuyển sang nợ quá hạn và chịu lãi suất quá hạn kể từ ngày liền sau ngày đến hạn thanh toán.
- Trong vòng 60 ngày kể từ Ngày đến hạn thanh toán gần nhất chưa thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn số tiền thanh toán tối thiểu, nếu Khách Hàng chưa thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn toàn bộ số tiền thanh toán toàn bộ, toàn bộ số tiền phải thanh toán chưa trả sẽ chuyển sang nợ quá hạn và chịu lãi suất quá hạn kể từ ngày liền sau ngày đến hạn thanh toán.
- Sau 90 ngày (hoặc 03 kỳ thanh toán liên tiếp) kể từ Ngày đến hạn thanh toán gần nhất mà KH chưa thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn số tiền thanh toán toàn bộ thì toàn bộ số dư nợ của Khách Hàng là nợ quá hạn và TPBank sẽ áp dụng lãi suất quá hạn theo quy định của NH đối với khoản nợ này.
- Tại ngày hết thời hạn hiệu lực Thẻ, nếu Chủ Thẻ không được NH chấp thuận việc gia hạn thời hạn hiệu lực Thẻ, Chủ Thẻ phải thanh toán toàn bộ số dư nợ Thẻ của Chủ Thẻ. Dư nợ Thẻ của Chủ Thẻ sẽ chuyển nợ quá hạn vào ngày liền kề sau ngày hết thời hạn hiệu lực Thẻ nếu Chủ Thẻ không thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn toàn bộ số dư nợ của Chủ Thẻ. Tại ngày liền sau Ngày đến hạn thanh toán của kỳ sao kê tiếp tính từ ngày hết thời hạn hiệu lực Thẻ thì dư nợ Thẻ còn lại mà Chủ Thẻ chưa thanh toán sẽ bị áp dụng lãi suất nợ quá hạn theo quy định của NH đối với khoản nợ này.
- Thời hạn thanh toán nợ quá hạn không được quá 10 ngày kể từ ngày chuyển nợ quá hạn
- Trường hợp Khách Hàng không thanh toán đúng hạn cho Ngân hàng theo quy định, Ngân hàng được quyền thu nợ từ tài sản bảo đảm, hay bất cứ tài sản hoặc nguồn thu nhập nào khác của

Khách Hàng mà không cần có thêm xác nhận/không cần xác nhận lại của Khách Hàng. Việc xử lý tài sản để thu nợ sẽ được thực hiện theo quy định của TPBank và quy định của pháp luật.

- Trường hợp các tài sản đảm bảo không đủ để thu hồi nợ, Khách Hàng có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho đến khi tất toán mọi khoản nợ với TPBank.
- Khách Hàng phải thanh toán toàn bộ khoản nợ và chịu mọi khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc NH thực hiện các biện pháp để thu hồi nợ như phí luật sư, án phí, phí xử lý tài sản.
- Nếu Khách Hàng có nhiều hơn một khoản cấp tín dụng tại TPBank (ngoài hạn mức tín dụng Thẻ), việc vi phạm ở bất kỳ một khoản cấp tín dụng nào sẽ được xem như là vi phạm ở tất cả các khoản cấp tín dụng khác. Khi đó, TPBank có quyền chấm dứt và tiền hành thu hồi nợ đối với tất cả các khoản cấp tín dụng của Khách Hàng tại TPBank dù đến hạn hay chưa đến hạn. Đồng thời, không phụ thuộc vào tài sản bảo đảm có được đảm bảo cho tất cả các khoản cấp tín dụng hay không, TPBank đều có quyền xử lý tài sản bảo đảm đó và dùng số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm để thanh toán cho tất cả các khoản cấp tín dụng tại TPBank.

Điều 6. CHỨC NĂNG THẺ GHI NỢ QUỐC TẾ

1. Phạm vi sử dụng của Thẻ ghi nợ quốc tế:

- 1.1. Chủ thẻ được sử dụng Thẻ để thực hiện các giao dịch thanh toán mua hàng hóa và dịch vụ và các Giao dịch Thẻ hợp pháp khác được TPBank phát triển trong từng thời kỳ tại các ĐVCNT, trên Internet và các kênh khác do TPBank quyết định và/hoặc có biểu tượng của TCTQT và các dịch vụ khác do TPBank cung cấp (nếu có) trong phạm vi Hạn mức Giao dịch Thẻ và số dư trên Tài khoản thanh toán liên kết với Thẻ của Khách hàng.
- 1.2. Chủ thẻ có thể sử dụng Thẻ có mã PIN để rút, nộp tiền mặt và truy cập các dịch vụ khác từ các máy rút và/hoặc nộp tiền mặt được phép chấp nhận Thẻ. Đối với những mục đích này, Chủ thẻ hiểu rằng hạn mức rút, nộp tiền mặt đối với Thẻ sẽ được áp dụng. Hạn mức rút, nộp tiền mặt tiêu chuẩn hàng ngày đối với Thẻ được quy định trong Đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ ghi nợ quốc tế dành cho Khách hàng Tổ chức. Tuy nhiên, TPBank có thể đồng ý với yêu cầu từ Chủ thẻ để thay đổi hạn mức rút, nộp tiền mặt hàng ngày. Mức rút tiền mặt tối thiểu sẽ phụ thuộc vào nhà cung cấp máy rút và/hoặc nộp tiền mặt.
- 1.3. Chủ Thẻ có thể sử dụng thông tin Thẻ và thông qua việc sử dụng các yếu tố xác thực Chủ Thẻ như số PIN và/hoặc số CVV2/CVC để thực hiện giao dịch internet và các giao dịch khác theo đăng ký với TPBank (việc đăng ký để sử dụng các giao dịch này tuân theo quy định của Pháp luật và quy định của TPBank từng thời kỳ).
- 1.4. Phạm vi các lĩnh vực chi dùng của Thẻ: Chủ thẻ có thể sử dụng Thẻ tại các đơn vị chấp nhận Thẻ Visa để mua sắm hàng hóa, dịch vụ hợp pháp.
- 1.5. Thẻ chỉ được sử dụng để thực hiện giao dịch thẻ bằng Phương tiện điện tử khi đã hoàn thành việc đối chiếu đảm bảo khớp đúng GTTT và thông tin Sinh trắc học của Người đại diện hợp pháp của Tổ chức nhưng không áp dụng yêu cầu này đối với các trường hợp sau:
 - Thực hiện giao dịch bằng thẻ vật lý tại máy giao dịch tự động;
 - Thanh toán tại thiết bị chấp nhận thẻ tại điểm bán;
 - Rút tiền mặt tại thiết bị chấp nhận thẻ được lắp đặt tại chi nhánh, phòng giao dịch, điểm đại lý thanh toán của TCTTT để cung ứng tiền mặt cho Chủ thẻ;
 - Các đối tượng KH theo quy định của TPBank từng thời kỳ.

Lưu ý: Chủ thẻ phụ được sử dụng thẻ để thực hiện giao dịch bằng phương tiện điện tử khi Tổ chức đã thực hiện quy định tại điểm 1.5 Khoản 1 Điều này và đăng ký với TPBank cho phép Chủ thẻ phụ đó được thực hiện giao dịch thẻ bằng phương tiện điện tử.

- 1.6. Bằng việc chấp nhận Điều khoản và Điều kiện này, KH đồng ý lựa chọn chủ động thực hiện xác nhận bằng hình thức xác nhận EMV 3DS đối với tất cả giao dịch thanh toán thẻ trực tuyến bằng Thẻ TPBank. KH đồng ý để TPBank thực hiện xác nhận đối với tất cả hoặc một phần giao dịch thanh toán thẻ trực tuyến trong trường hợp sử dụng hình thức xác nhận EMV 3DS đối với các trường hợp sau: (i) Đơn vị chấp nhận thẻ và/hoặc Tổ chức thanh toán thẻ không triển khai hình thức xác nhận này; hoặc (ii) KH thay đổi lựa chọn và được TPBank chấp nhận phù hợp quy định

và khả năng đáp ứng của TPBank từng thời kỳ; hoặc (iii) theo thỏa thuận giữa TPBank và KH từng thời kỳ.

2. Giao dịch thẻ

- a) Giao dịch nạp tiền là giao dịch Chủ Thẻ nạp tiền vào Tài Khoản Thẻ tại chi nhánh, phòng giao dịch của NH và/hoặc các tổ chức thanh toán thẻ và/hoặc các hình thức khác phù hợp theo Quy định pháp luật.
- b) Giao dịch rút tiền mặt là giao dịch mà Chủ Thẻ nhận được tiền mặt tại ATM/VTM lắp đặt tại chi nhánh, phòng giao dịch của các tổ chức thanh toán Thẻ và/hoặc các phương thức khác được NH triển khai phù hợp theo quy định của pháp luật.
- c) Với các giao dịch thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ, NH không có trách nhiệm về phương thức cung cấp hàng hóa và bất kỳ sự từ chối nào của đơn vị chấp nhận Thẻ (ĐVCNT) (trừ những lỗi về kỹ thuật liên quan đến việc sử dụng Thẻ của NH). NH cũng sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ hàng hóa hay dịch vụ nào được cung cấp cho Chủ Thẻ theo bất kỳ cách thức nào. Khiếu nại của Chủ Thẻ đối với ĐVCNT sẽ không làm cho Chủ Thẻ được giải phóng khỏi các nghĩa vụ đối với NH theo Điều kiện Điều khoản này. NH có quyền thay đổi hoặc chấm dứt bất kỳ thỏa thuận nào với Chủ Thẻ trong trường hợp có tranh chấp xảy ra giữa Chủ Thẻ và ĐVCNT.
- d) Tất cả các Giao Dịch Thẻ được thực hiện bằng các loại tiền tệ không phải Việt Nam Đồng sẽ được ghi nợ vào Tài Khoản Thẻ hoặc Tài khoản Thanh Toán sau khi quy đổi sang Việt Nam Đồng cộng thêm phí quản lý giao dịch ngoại tệ mà NH quy định trong Biểu phí dịch vụ và lãi suất Thẻ, theo từng trường hợp như sau:
 - a) Giao Dịch Thẻ được thực hiện bằng Đô-la Mỹ sẽ được quy đổi sang Việt Nam Đồng.
 - b) Giao Dịch Thẻ được thực hiện bằng tất cả các loại tiền tệ không phải là Đô-la Mỹ hoặc Việt Nam Đồng sẽ được quy đổi trực tiếp sang Việt Nam Đồng hoặc trước tiên quy đổi sang Đô-la Mỹ và sau đó sang Việt Nam Đồng.
 - c) Tỷ giá hối đoái sẽ được xác định theo quy định bởi các Tổ chức Thẻ quốc tế (TCTQT) tương ứng với thương hiệu Thẻ phát hành và/hoặc quy định của NH từng thời kỳ tại Biểu phí dịch vụ và lãi suất Thẻ. Tỷ giá hối đoái được sử dụng là tỷ giá hối đoái vào ngày mà Giao dịch được ghi nhận vào Tài Khoản Thẻ của Chủ Thẻ (để làm rõ, không áp dụng tỷ giá vào ngày giao dịch).
 - e) Giao Dịch Thẻ được chọn thực hiện bằng Việt Nam Đồng tại các ĐVCNT tại nước ngoài hoặc tại các ĐVCNT được quản lý bởi các đơn vị nước ngoài sẽ được áp dụng phương thức chuyển đổi, tỷ giá quy đổi ngoại tệ theo quy định của Tổ chức quản lý máy ATM, ĐVCNT đó. (ĐVCNT tại nước ngoài hoặc quản lý bởi các đơn vị nước ngoài được NH xác định căn cứ vào thông số về địa điểm giao dịch do bên bán hàng thiết lập với Ngân hàng thanh toán theo quy định của các TCTQT.) Các Giao Dịch Thẻ này sẽ được ghi nợ vào Tài Khoản Thẻ sau khi cộng thêm Phí quản lý giao dịch Việt Nam Đồng ở nước ngoài, hoặc những phí khác theo quy định của NH và được quy định trong Biểu phí dịch vụ và Lãi suất Thẻ.

3. Ngày xử lý giao dịch

- a) TPBank sẽ hạch toán các giao dịch tài khoản Thẻ vào cùng ngày làm việc đối với các Giao dịch Thẻ được thực hiện trước giờ khoá sổ hàng ngày theo nghiệp vụ ngân hàng (giờ Việt Nam) từ thứ Hai đến trưa thứ Bảy.
- b) TPBank có thể hạch toán các giao dịch tài khoản Thẻ vào ngày làm việc tiếp theo đối với các Giao dịch thẻ được thực hiện sau thời điểm Ngân hàng khoá sổ hàng ngày (giờ Việt Nam) từ thứ Hai đến trưa thứ Bảy, hoặc thực hiện trong các ngày nghỉ.

4. Giao dịch Thẻ không hủy ngang

- a) Chủ thẻ không thể huỷ, thay đổi bất kỳ Giao dịch thẻ nào đã được thực hiện thành công tại ĐVCNT và được hệ thống của TPBank và các ngân hàng khác ghi nhận với đầy đủ thông tin về số Thẻ, tên Chủ thẻ cùng với các chi tiết nghiệp vụ được thực hiện.

- b) Bất kỳ Giao dịch Thẻ thành công nào sẽ được TPBank coi là có giá trị và không hủy ngang, trừ khi đó là một giao dịch mà TPBank đánh giá không được phép thực hiện theo Điều khoản và Điều kiện này.

Điều 7. SỬ DỤNG CHỨC NĂNG THẺ TÍN DỤNG QUỐC TẾ VÀ THẺ GHI NỢ QUỐC TẾ

1. Chủ thẻ thực hiện chức năng sử dụng của Thẻ bao gồm chức năng Thẻ tín dụng quốc tế hoặc chức năng Thẻ ghi nợ quốc tế bằng cách truy cập Ứng dụng Ngân hàng điện tử của NH bằng tên đăng nhập, mật khẩu của Chủ thẻ/Khách hàng, lựa chọn tính năng thẻ tín dụng quốc tế hoặc thẻ ghi nợ quốc tế để sử dụng và thực hiện xác nhận thành công bằng phương thức xác thực giao dịch đã đăng ký với NH. Theo đó tại một thời điểm Chủ thẻ chỉ được phép lựa chọn một tính năng hoặc Thẻ tín dụng quốc tế hoặc Thẻ ghi nợ quốc tế của Thẻ áp dụng đối với từng loại giao dịch thẻ.
2. Giao dịch Thẻ sẽ được NH hạch toán xử lý theo nguyên tắc chức năng mà NH ghi nhận được từ đăng ký thành công gần nhất của Chủ thẻ. Bất kỳ Giao dịch Thẻ thành công nào sẽ được TPBank coi là có giá trị và không hủy ngang, và Chủ Thẻ chịu hoàn toàn trách nhiệm cũng như nghĩa vụ với NH đối với các giao dịch đó, bao gồm các giao dịch phát sinh sau thời gian khóa Thẻ mà Chủ Thẻ không chứng minh được là do lỗi từ hệ thống của NH và/hoặc TCTTT/TCTQT.

Điều 8. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA KHÁCH HÀNG/CHỦ THẺ

1. Quyền của Khách Hàng, Chủ Thẻ
 - a) Chủ Thẻ được dùng thẻ để thanh toán tiền hàng hoá, dịch vụ hợp pháp tại các ĐVCNT, rút tiền theo thỏa thuận giữa Chủ Thẻ với NH tại các ATM/VTM/ĐVCNT, tại website, cổng thanh toán điện tử chấp nhận hình thức thanh toán bằng Thẻ và sử dụng các dịch vụ khác do NH cung cấp trong phạm vi hạn mức tín dụng được cấp cho Chủ thẻ.
 - b) Khách Hàng được quyền yêu cầu NH cung cấp thông tin định kỳ hoặc được cung cấp thông tin đột xuất về giao dịch Thẻ và số dư, hạn mức liên quan đến việc sử dụng Thẻ và các thông tin cần thiết khác theo quy định của NH.
 - c) Khách Hàng được quyền đề nghị tra soát, khiếu nại đối với TPBank trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày phát sinh giao dịch. Hết thời hạn này nếu TPBank không nhận được bất kỳ khiếu nại nào từ Khách Hàng thì các khoản tính vào số dư Thẻ sẽ là bằng chứng chính xác rằng giao dịch, chi phí, phí, ghi nợ hoặc/và ghi có là chính xác và có hiệu lực trừ khi TPBank quyết định sửa đổi.
 - d) Các quyền khác theo quy định của Điều khoản và Điều kiện này và các quy định có liên quan của pháp luật.
2. Nghĩa vụ của Khách Hàng, Chủ Thẻ:
 - a) Khách Hàng, Chủ Thẻ cung cấp đầy đủ và chính xác các tài liệu, thông tin, dữ liệu của Người đại diện hợp pháp của DN và Chủ thẻ Phụ theo yêu cầu của TPBank khi phát hành Thẻ và trong quá trình sử dụng Thẻ nhằm tuân thủ các quy định của Pháp luật (bao gồm các quy định về Phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, cấm vận, trừng phạt) và quy định của TPBank. Trường hợp các tài liệu, thông tin, dữ liệu được cung cấp bằng tiếng nước ngoài, Khách Hàng, Chủ Thẻ đồng ý rằng TPBank có toàn quyền quyết định việc dịch hoặc không dịch ra tiếng Việt, tiếp nhận hoặc không tiếp nhận các tài liệu, thông tin, dữ liệu được cung cấp bằng tiếng nước ngoài. Khách Hàng đồng ý rằng các tài liệu, thông tin, dữ liệu bằng tiếng nước ngoài này phải được dịch khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
 - b) Khách Hàng, Chủ Thẻ phải chịu trách nhiệm về tính trung thực của các thông tin, tài liệu đã cung cấp khi giao kết Hợp đồng và trong quá trình sử dụng Thẻ và chịu trách nhiệm đối với các thông tin, tài liệu đã cung cấp cho NH.
 - c) Khách Hàng cam kết sử dụng hạn mức tín dụng Thẻ theo đúng hạn mức do TPBank quy định và theo mục đích thanh toán hàng hóa, dịch vụ hợp pháp; rút tiền mặt theo thỏa thuận giữa Chủ Thẻ và NH. Khách Hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng tiền theo hạn mức tín dụng Thẻ không đúng mục đích.

- d) Khách Hàng, Chủ Thẻ cam kết không cho thuê, cho mượn Thẻ, không được sử dụng Thẻ của mình thực hiện giao dịch khống, giao dịch thanh toán hộ hoặc cho các giao dịch nhằm mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, lừa đảo, gian lận hoặc có hành vi vi phạm pháp luật khác. Không sử dụng Thẻ của mình cho các giao dịch thanh toán đối với những khoản tiền đã có bằng chứng hoặc nghi ngờ về nguồn gốc bất hợp pháp.
- e) Khách Hàng, Chủ Thẻ có trách nhiệm cập nhật, bổ sung giấy tờ tùy thân, giấy tờ chứng minh thời hạn cư trú tại Việt Nam trước khi hết hạn hiệu lực và/hoặc khi TPBank có yêu cầu.
- f) Khách Hàng cam kết chịu trách nhiệm và cung cấp hồ sơ, chứng từ chứng minh theo quy định của TPBank và pháp luật trong trường hợp người sử dụng Thẻ là người nước ngoài về việc đáp ứng đủ các điều kiện sử dụng Thẻ theo quy định của pháp luật.
- g) Chủ Thẻ Chính trực tiếp đến NH/nhận qua chuyển phát nhanh đối với Thẻ (bao gồm cả thẻ Chính và thẻ phụ của Khách hàng), Chủ thẻ phụ trực tiếp đến NH/nhận qua chuyển phát nhanh đối với Thẻ phụ có tên của mình hoặc ủy quyền cho người khác nhận Thẻ theo quy định của TPBank. Trường hợp ủy quyền cho người khác nhận Thẻ, Khách Hàng, Chủ Thẻ phải chịu mọi rủi ro có thể phát sinh.
- h) Chủ thẻ đồng ý nhận các thông báo và thông tin từ TPBank thông qua một hoặc tất cả các phương thức liên lạc (email, điện thoại, tin nhắn, gửi trực tiếp, gửi thư đến địa chỉ, thông qua website hoặc Ứng dụng điện thoại, Ứng dụng Shopee), bao gồm cả các thông báo liên quan đến Hợp đồng (không giới hạn) và thông báo quảng cáo từ TPBank và/hoặc đối tác của TPBank đối với sản phẩm của TPBank. Thời gian điện thoại trong khung giờ: từ 8h sáng đến 6h tối. Không liên quan đến việc Hợp đồng này có được phê duyệt, không được phê duyệt, bị hủy bỏ hay chấm dứt, chấp thuận này của Chủ thẻ sẽ có hiệu lực kể từ ngày Chủ thẻ ký trên Hợp đồng này và duy trì cho đến khi Chủ thẻ có từ chối theo quy định của pháp luật.
- i) Đảm bảo Người đại diện hợp pháp của DN/Chủ thẻ phụ thực hiện nhận Thẻ theo nội dung thông tin nhận Thẻ đã đăng ký với TPBank. TPBank sẽ gửi Thẻ bằng chuyển phát nhanh tới người nhận theo thông tin và địa chỉ mà Khách Hàng đã đăng ký trong Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế dành cho Khách Hàng Doanh Nghiệp. Khách Hàng đồng ý và xác nhận rằng TPBank được coi là hoàn thành việc bàn giao Thẻ khi Thẻ đã được giao tới người nhận theo địa chỉ đã đăng ký với TPBank. Khách Hàng có trách nhiệm chịu mọi rủi ro, thiệt hại, tổn thất, chi phí, nghĩa vụ phát sinh do việc gửi Thẻ qua đường bưu điện bao gồm cả hậu quả từ việc Thẻ bị lợi dụng hoặc người khác giả mạo ký nhận Thẻ, đồng thời cam kết không có bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện nào với TPBank trong các trường hợp nêu trên.
- j) Khách Hàng, Chủ Thẻ cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc có thể bị chậm nhận Thẻ qua quá trình chuyển phát và rủi ro (nếu có phát sinh) liên quan đến việc đăng ký nhận Thẻ qua bên thứ ba.
- k) Khách Hàng, Chủ Thẻ cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc sử dụng số điện thoại của Chủ Thẻ lưu tại hệ thống NH để yêu cầu NH cung cấp PIN điện tử và rủi ro (nếu có phát sinh) liên quan đến việc nhận PIN điện tử.
- l) Khách Hàng, Chủ Thẻ đến nhận Thẻ trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hành. Sau thời hạn này, Thẻ sẽ bị huỷ và Khách Hàng phải chịu khoản phí phát hành Thẻ và phí thường niên, phí quản lý hạn mức thẻ tín dụng cho năm đầu tiên kể từ ngày phát hành Thẻ.
- m) Chủ Thẻ ký chữ ký mẫu vào ô chữ ký ở mặt sau Thẻ ngay sau khi nhận Thẻ. Khi thực hiện giao dịch rút tiền hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ bằng Thẻ, Chủ Thẻ phải ký hoá đơn rút tiền/thanh toán giống chữ ký mẫu trừ những giao dịch được sự chấp thuận của NH không yêu cầu có chữ ký của Chủ Thẻ
- n) Chấp nhận và chịu trách nhiệm thanh toán đối với tất cả các giao dịch Thẻ phát sinh của Khách Hàng, Chủ Thẻ (bao gồm cả giao dịch có hoặc không có chữ ký hoặc có chữ ký khác với chữ ký của Chủ

Thẻ tại mặt sau Thẻ) phù hợp với quy định về phạm vi sử dụng Thẻ được quy định tại Điều khoản và Điều kiện này.

- o) Chủ Thẻ phải bảo quản thẻ, bảo mật PIN, các mã số xác nhận chủ thẻ khác, các thông tin thẻ, thông tin giao dịch, không để lộ thông tin Thẻ; thông báo và phối hợp với TPBank để xử lý khi xảy ra các trường hợp mất Thẻ hoặc có yêu cầu tra soát, khiếu nại.
- p) Chủ Thẻ không được chuyển nhượng Thẻ hoặc đưa Thẻ cho người khác sử dụng, không được tiết lộ PIN cho bất kỳ ai và với bất cứ hình thức nào. Đối với PIN điện tử, Chủ Thẻ phải đổi PIN điện tử trong khoảng thời gian được NH quy định kể từ khi PIN điện tử này được NH cung cấp cho Chủ Thẻ bằng phương thức tin nhắn tới số điện thoại của Chủ Thẻ lưu tại hệ thống của NH. Quá thời hạn, PIN điện tử sẽ hết hạn và Chủ Thẻ sẽ phải yêu cầu NH cung cấp lại PIN điện tử khác. Phí và phương thức cấp lại PIN do NH quy định từng thời điểm.
- q) Khách Hàng, Chủ Thẻ thông báo bằng hình thức nhanh nhất cho NH khi Thẻ bị mất cắp, thất lạc, lộ PIN hoặc phát hiện sai sót, nhầm lẫn hoặc có nghi ngờ Thẻ đang bị lợi dụng, bị lộ thông tin theo số điện thoại: (84-4) 37683 683 – 19006036 – 1900585885 hoặc số điện thoại đường dây nóng khác của NH được đăng tải trên website của NH tại từng thời điểm. Khách Hàng phải xác nhận lại thông báo của mình bằng văn bản gửi cho NH (nếu trước đó thông báo bằng các hình thức khác), đồng thời thanh toán các khoản phí theo quy định của NH. Khách Hàng phải chịu trách nhiệm thanh toán tất cả các giao dịch đã được thực hiện trước thời điểm NH khoá Thẻ và nhận được xác nhận bằng văn bản của Khách Hàng.
- r) Khách Hàng cam kết tiếp tục chịu trách nhiệm về tất cả những giao dịch bằng Thẻ đã được thực hiện trước khi NH nhận được thông báo về Thẻ bị mất cắp, bị thất lạc hoặc việc sử dụng Thẻ và/hoặc thông tin trên Thẻ trái phép bao gồm nhưng không giới hạn các giao dịch lừa đảo và/hoặc chữ ký giả mạo bởi bất kỳ bên thứ ba nào khác
- s) Chịu trách nhiệm đảm bảo rằng Chủ thẻ chính, Chủ Thẻ Phụ hiểu rõ, tuân thủ bất kỳ nghĩa vụ nào được áp dụng theo Điều khoản và Điều kiện này; Nhận thức đầy đủ và cam kết không sử dụng Thẻ cho bất kỳ giao dịch hay bất kỳ mục đích bất hợp pháp nào.
- t) Chủ Thẻ cam kết không thực hiện các giao dịch trái với luật pháp nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam hoặc nước sở tại nơi Chủ Thẻ sử dụng Thẻ để giao dịch.
- u) Đồng ý rằng Chủ Thẻ có thể phải đăng ký với NH để thực hiện các giao dịch Thẻ trên internet hoặc các giao dịch Thẻ trên internet này có thể được thực hiện ngay sau khi Thẻ được kích hoạt hoặc không cần Chủ Thẻ đăng ký, tùy theo quy định của NH từng thời kỳ. Khách Hàng, Chủ Thẻ cam kết nhận thức rõ rủi ro và cam kết chịu trách nhiệm trong trường hợp NH mở tính năng này mà không cần Chủ Thẻ đăng ký.
- v) Khách Hàng, Chủ Thẻ chịu hoàn toàn trách nhiệm về mọi rủi ro (nếu có phát sinh) liên quan đến các giao dịch thực hiện bằng Thẻ qua Internet khi đăng ký dịch vụ thanh toán qua Internet
- w) Khách Hàng công nhận, không hủy ngang và chịu trách nhiệm thanh toán tất cả các giao dịch được thực hiện thanh toán bằng Thẻ qua Internet và/hoặc có sử dụng chữ ký, chữ ký điện tử của Chủ Thẻ mà không được hủy, phủ nhận, từ chối, thay đổi, thoái thác giao dịch với bất kỳ lý do nào; cam kết chịu mọi rủi ro liên quan đến giao dịch đã được thực hiện.
- x) Đối với các giao dịch thực hiện bằng phương tiện điện tử, Khách Hàng, Chủ Thẻ nhận thức đầy đủ các rủi ro có thể gặp phải khi thực hiện giao dịch, cam kết các hoạt động diễn ra do chứng từ điện tử của mình lập khớp đúng qui định và chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra do vô tình hay cố ý để lộ chữ ký điện tử, dẫn đến bị kẻ gian lợi dụng.
- y) Khách Hàng, Chủ Thẻ công nhận các hoá đơn, chứng từ liên quan đến giao dịch Thẻ có sử dụng PIN và/hoặc chữ ký đúng với chữ ký đã đăng ký với NH. Khách Hàng chịu trách nhiệm thanh toán đối với toàn bộ các giao dịch có chữ ký và/hoặc sử dụng PIN của Chủ Thẻ, và các giao dịch khác nếu NH

- cung cấp được bằng chứng về việc Chủ Thẻ đã thực hiện giao dịch mà không cần chữ ký của Chủ Thẻ.
- z) Chủ Thẻ sử dụng Thẻ trong hạn mức tín dụng được NH cấp, trừ trường hợp NH đồng ý cho Chủ Thẻ sử dụng vượt hạn mức và Khách Hàng phải có trách nhiệm trả phí theo quy định của NH khi sử dụng Thẻ quá hạn mức được cấp
- aa) Khách Hàng, Chủ Thẻ chịu trách nhiệm giải quyết các mâu thuẫn với ĐVCNT về các vấn đề liên quan đến giao dịch Thẻ mà không trì hoãn việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo điểm (bb) dưới đây.
- bb) Khách Hàng thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho NH các khoản vay, lãi và phí phát sinh do việc sử dụng Thẻ của Chủ Thẻ theo Sao kê do NH lập và gửi cho Khách Hàng. Trong trường hợp Chủ Thẻ có thực hiện các giao dịch Thẻ nhưng Khách Hàng không nhận được hoặc chậm nhận được sao kê, Khách Hàng vẫn có trách nhiệm thanh toán các khoản vay, lãi và phí phát sinh do việc sử dụng Thẻ theo quy định sau khi NH đưa ra các bằng chứng về việc đã gửi sao kê cho Khách Hàng.
- cc) Khách Hàng cam kết dùng số tiền ghi có hàng tháng của Khách Hàng từ tài khoản thanh toán của Khách Hàng để hoàn trả số dư nợ sao kê. Khách Hàng ủy quyền cho NH được tự động trích tiền từ tài khoản thanh toán của Khách Hàng tại NH tại bất kỳ thời điểm nào để thu nợ. Việc ủy quyền này chỉ hết hiệu lực khi Khách Hàng đã thanh toán tất cả các khoản nợ gốc, lãi phát sinh tại NH.
- dd) Trong trường hợp Doanh Nghiệp bị giải thể, hoặc KH rút hết tài sản bảo đảm tại TPBank (gồm TS bảo đảm cho khoản Thẻ hoặc Tài sản bảo đảm cho Khoản tín dụng chính làm căn cứ phát hành Thẻ), Khách Hàng cam kết thông báo cho NH trước thời hạn 07 ngày kể từ ngày phát sinh và KH hoàn tất các thủ tục chấm dứt sử dụng Thẻ trước thời điểm rút Tài sản bảo đảm.
- ee) Đồng ý và cho phép TPBank tìm kiếm thông tin liên quan đến Chủ Thẻ từ bất kỳ bên thứ ba nào
- ff) Đồng ý và cho phép TPBank cung cấp thông tin liên quan đến Chủ Thẻ và Hợp đồng này cho bên thứ ba là các cá nhân, tổ chức có chức năng nhằm mục đích thực hiện các hoạt động thu hồi nợ, mua bán nợ, xử lý nợ, kiểm toán, tư vấn, thông tin tín dụng mà không cần thông báo cho Khách Hàng về việc này. Để làm rõ, Khách Hàng đồng ý rằng bên thứ ba tiếp nhận thông tin của Chủ Thẻ và Hợp đồng này có chức năng thu hồi nợ, mua bán nợ, xử lý nợ được phép cung cấp thông tin này cho bất kỳ cá nhân, tổ chức để thực hiện hoạt động thu hồi nợ.
- gg) Đồng ý và cho phép TPBank cung cấp thông tin liên quan đến Khách Hàng, Chủ Thẻ, giao dịch Thẻ và Hợp đồng này cho Bên thứ ba là các cá nhân, tổ chức có chức năng nhằm mục đích thực hiện các hoạt động cung cấp, giới thiệu, hỗ trợ cho Chủ Thẻ về các thông tin liên quan đến sản phẩm, dịch vụ của TPBank hoặc hợp tác với NH hỗ trợ Chủ Thẻ trong thanh toán giao dịch Thẻ mà không cần thông báo cho Khách Hàng về việc này.
- hh) Chủ Thẻ không sử dụng lại Thẻ đã thông báo mất cắp, thất lạc.
- ii) Khách Hàng, Chủ Thẻ hoàn trả lại Thẻ cho NH khi: tìm lại được Thẻ đã báo mất cắp, thất lạc trước đó; khi Thẻ hết hạn sử dụng; khi Chủ Thẻ không có nhu cầu tiếp tục sử dụng Thẻ; và các trường hợp khác theo yêu cầu của NH.
- jj) Yêu cầu tra soát với dịch vụ Thẻ (nếu có):
- Chủ Thẻ, Khách Hàng có trách nhiệm thực hiện yêu cầu tra soát, khiếu nại với dịch vụ Thẻ (nếu có) bằng văn bản qua các điểm giao dịch của NH hoặc bằng phương thức lời nói² tới số điện thoại: (84-4) 37683 683 – 19006036 – 1900585885 hoặc số điện thoại đường dây nóng khác của NH được đăng tải trên website của NH tại từng thời điểm hoặc qua các điểm giao dịch của NH trong vòng 60 ngày kể từ ngày giao dịch phát sinh hoặc kể từ ngày quyền và nghĩa vụ của Chủ Thẻ, Khách Hàng bị vi phạm. Quá thời hạn trên, NH vẫn tiếp tục hỗ trợ giải quyết tra soát khiếu nại nhưng kết quả tra soát khiếu nại sẽ phụ thuộc vào thiện chí của các đối tác liên quan

² Các yêu cầu khiếu nại không có giá trị pháp lý ràng buộc với NH bằng phương thức lời nói

và Khách Hàng sẽ phải chịu hoàn toàn thiệt hại phát sinh do khiếu nại chậm. NH sẽ không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào nếu Chủ Thẻ, Khách Hàng khiếu nại quá thời hạn trên.

- Trong trường hợp Người đại diện hợp pháp của Khách Hàng/ Chủ Thẻ gửi các yêu cầu tra soát bằng phương thức lời nói thì Khách Hàng có nghĩa vụ bổ sung yêu cầu tra soát bằng văn bản theo mẫu của NH và gửi tới NH trong vòng 07 ngày kể từ ngày gửi yêu cầu tra soát bằng lời nói. Trường hợp các nội dung tại yêu cầu tra soát bằng văn bản của Khách Hàng có khác biệt so với yêu cầu tra soát bằng phương thức lời nói với NH thì Khách Hàng đồng ý như sau:
 - + Nếu yêu cầu tra soát bằng phương thức lời nói của Khách Hàng đã được NH xử lý thì Khách Hàng đồng ý rằng yêu cầu tra soát bằng phương thức lời nói có giá trị pháp lý ràng buộc với KH và sẽ là căn cứ để xử lý giao dịch tra soát, khiếu nại (nếu có) giữa các bên. Khách Hàng có trách nhiệm gửi lại tra soát bằng văn bản cho NH với nội dung trùng khớp với yêu cầu tra soát bằng lời nói trong vòng 07 ngày kể từ ngày gửi yêu cầu tra soát bằng lời nói.
 - + Nếu yêu cầu tra soát bằng phương thức lời nói của Khách Hàng chưa được NH xử lý thì Khách Hàng đồng ý rằng yêu cầu tra soát bằng văn bản có giá trị pháp lý và sẽ là căn cứ để xử lý giao dịch tra soát (nếu có) giữa các bên.
 - + Khách Hàng phải chịu phí khiếu nại theo quy định của NH (nếu có phát sinh).
- kk) Khách Hàng phải thanh toán số tiền giao dịch Thẻ tranh chấp và các khoản phí phát sinh theo quy định của TCTQT khi tranh chấp được đưa ra trọng tài Quốc tế và trọng tài Quốc tế xử Chủ Thẻ thua kiện.
- ll) Chủ Thẻ/Khách hàng cam kết chấp nhận từ bỏ quyền khiếu kiện khi giao dịch có thể bị gián đoạn, không thực hiện được do bị lỗi mạng, đường truyền, hệ thống, điện, hoặc các lỗi kỹ thuật khác của bên cung ứng dịch vụ hoặc của TPBank; hoặc do có các sự cố xuất phát từ các nguyên nhân thời tiết, động đất, thiên tai ...
- mm) Khách Hàng có trách nhiệm thanh toán tất cả các khoản giao dịch trước thời điểm Thẻ bị chấm dứt sử dụng và các khoản phát sinh (nếu có) chưa được cập nhật trên tài khoản Thẻ trong vòng 60 ngày kể từ ngày NH nhận được thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt sử dụng Thẻ hoặc trước khi hết thời hạn hiệu lực Thẻ.
- nn) Khi Thẻ bị chấm dứt sử dụng hoặc Thẻ hết thời hạn hiệu lực thì toàn bộ dư nợ sẽ đến hạn và Khách Hàng có trách nhiệm thanh toán mọi chi phí, giao dịch Thẻ phát sinh tới thời điểm chấm dứt hoặc Thẻ hết thời hạn hiệu lực. Nếu Khách Hàng, Chủ Thẻ đã chấm dứt sử dụng Thẻ hoặc Thẻ hết thời hạn hiệu lực nhưng vẫn tiếp tục sử dụng Thẻ để giao dịch thì Khách Hàng vẫn phải có trách nhiệm thanh toán các giao dịch này và các khoản lãi, phí phát sinh theo quy định của NH.
- oo) Khi đơn phương chấm dứt sử dụng Thẻ Chính, Chủ Thẻ phải gửi trả lại Thẻ (bao gồm Thẻ Chính và Thẻ Phụ) và Khách Hàng thông báo bằng văn bản cho NH. Khách Hàng có trách nhiệm thanh toán toàn bộ dư nợ; và các tra soát, khiếu nại của Chủ Thẻ, Khách Hàng (nếu có).
- pp) Khách Hàng thông báo ngay cho NH bằng văn bản những thay đổi về các thông tin đã cung cấp tại Giấy đề nghị phát hành Thẻ hoặc các thông tin khác theo yêu cầu của NH. Trường hợp KH tắt toán khoản dư tín dụng tại TPBank hoặc Cán bộ đã cấp Thẻ nghỉ việc/từ chức/thời đảm nhiệm chức vụ tại DN: thì DN có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho ĐVKD cấp Thẻ để xử lý dư nợ Thẻ của Cán bộ tại DN (nếu có) trước tối thiểu 07 ngày.
- qq) Khách Hàng, Chủ Thẻ tuân thủ các quy định, chính sách hiện hành của NH liên quan đến việc cho vay và trong trường hợp các quy định, chính sách này có thay đổi, Khách Hàng, Chủ Thẻ cam kết sẽ thực hiện theo đúng các quy định, chính sách đã được thay đổi đó đúng thời hạn theo thông báo của NH.
- rr) Đồng ý cho NH được tự động trích tài khoản (có kỳ hạn, không kỳ hạn) của Khách Hàng tại NH để thanh toán các khoản nợ đến hạn, quá hạn, các khoản lãi, phí, chi phí phát sinh liên quan đến việc sử dụng Thẻ theo Điều khoản và Điều kiện này.

- ss) Khách Hàng phải tự chịu trách nhiệm về tính hợp pháp trong việc sử dụng Thẻ tín dụng và có trách nhiệm chứng minh việc sử dụng hạn mức tín dụng Thẻ là hợp pháp theo yêu cầu của TPBank hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- tt) Khách Hàng cam kết về việc sử dụng vốn đúng mục đích, đảm bảo không vi phạm quy định của pháp luật và đảm bảo rằng đã có mọi sự chấp thuận cần thiết của tất cả các đồng sở hữu tài sản chung để sử dụng làm nguồn trả nợ theo quy định của pháp luật.
- uu) Khách hàng cam kết khi thực hiện giao dịch Thẻ ngoài lãnh thổ Việt Nam, Chủ Thẻ phải thực hiện thanh toán cho TPBank bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá do TPBank và KH thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước. Tuân thủ quy định pháp luật về quản lý ngoại hối của TPBank trong trường hợp rút tiền mặt ngoại tệ và ngoài lãnh thổ Việt Nam.
- vv) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều khoản và Điều kiện này và các quy định có liên quan của pháp luật.

Điều 9. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGÂN HÀNG

1. Quyền của Ngân hàng

- a) Được quyền tìm kiếm thông tin liên quan đến Khách Hàng, Chủ Thẻ từ bất kỳ bên thứ ba nào.
- b) Được quyền quyết định cung cấp thông tin giao dịch Thẻ, thông tin Khách Hàng, Chủ Thẻ cho bên thứ ba cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động Thẻ (như dịch vụ in và gửi sao kê hoặc các dịch vụ khác do NH lựa chọn không trái pháp luật Việt Nam) hoặc bên thứ ba hợp tác với NH trong việc mở rộng, gia tăng thêm giá trị sử dụng Thẻ cho Chủ Thẻ.
- c) Được quyền ghi âm lại tất cả những trao đổi của Khách Hàng, Chủ Thẻ qua điện thoại và/hoặc bất kỳ các thông tin bằng lời nói giữa Khách Hàng, Chủ Thẻ và NH trong quá trình sử dụng Thẻ. Và những trao đổi ghi âm này có thể được NH hay bất kỳ bên thứ ba nào sử dụng, bao gồm sử dụng làm bằng chứng trong quá trình giải quyết tranh chấp hoặc thủ tục hành chính nào.
- d) Cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền và tổ chức, cá nhân được phép khai thác thông tin về Chủ Thẻ, mã số Khách Hàng, tài khoản và các giao dịch Thẻ theo đúng quy định của pháp luật; cung cấp các thông tin giao dịch Thẻ của Khách Hàng, Chủ Thẻ qua điện thoại khi người yêu cầu cung cấp thông tin khai báo đúng thông tin Khách Hàng, Chủ Thẻ đã đăng ký với NH.
- e) TPBank có thể thu thập và xác minh bất cứ thông tin nào liên quan đến Chủ Thẻ từ bất cứ đơn vị nào mà TPBank cảm thấy phù hợp (bao gồm nhưng không giới hạn các tổ chức tín dụng hoặc bất cứ tổ chức hay công ty nào khác được thành lập với mục đích đánh giá thứ hạng tín dụng cho các cá nhân, tổ chức và/hoặc TPBank hay tổ chức tín dụng tại Việt Nam hoặc từ bất cứ tổ chức, cá nhân nào khác).
- f) Được quyền định kỳ đánh giá lại việc sử dụng hạn mức tín dụng của Khách Hàng, Chủ Thẻ cũng như đánh giá lại các điều kiện phát hành Thẻ tín dụng của Khách Hàng, Chủ Thẻ theo đúng quy định của NH và trên cơ sở việc đánh giá đó, NH có quyền đơn phương thay đổi/chấm dứt hạn mức tín dụng đã cấp cho Khách Hàng, Chủ Thẻ.
- g) Được quyền xác minh lại thông tin nhận biết Khách Hàng và kịp thời áp dụng biện pháp theo quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền trong các trường hợp dưới đây:
 - Khách Hàng có các dấu hiệu đáng ngờ theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền;
 - NH có cơ sở nghi ngờ tính hợp pháp, hợp lệ của tài liệu, thông tin, dữ liệu nhận biết của Khách Hàng đã thu thập khi giao kết Hợp Đồng phát hành và sử dụng thẻ và trong quá trình sử dụng thẻ;
 - Thông tin của Chủ Thẻ có trong danh sách nghi ngờ gian lận, lừa đảo của Hệ thống thông tin hỗ trợ quản lý, giám sát và phòng ngừa rủi ro gian lận trong hoạt động thanh toán của Ngân hàng Nhà nước hoặc danh sách Khách Hàng liên quan nghi ngờ gian lận, lừa đảo, vi phạm pháp luật đã được Bộ Công an và cơ quan chức năng khác cung cấp (nếu có);

- Thông tin về thẻ, Chủ Thẻ sai lệch, không phù hợp thông tin, dữ liệu của cơ quan chức năng.
- h) Được quyền tăng hoặc giảm hạn mức tín dụng và/hoặc thay đổi hạng Thẻ của Chủ Thẻ theo quy định của NH.
- i) Được quyền tạm ngừng giao dịch thẻ với các trường hợp giấy tờ tùy thân, giấy tờ chứng minh thời hạn cư trú tại Việt Nam của khách hàng hết hiệu lực.
- j) Được quyền từ chối hoặc tạm dừng giao dịch Thẻ bằng Phương tiện điện tử đối với trường hợp Thẻ có phát sinh giao dịch nhưng không thể liên hệ được với Khách hàng theo thông tin liên hệ do Khách hàng cung cấp.
- k) Được quyền khoá Thẻ khi nhận được thông báo Thẻ bị mất cắp, thất lạc, lộ PIN hoặc có nghi ngờ Thẻ đang bị lợi dụng theo số điện thoại đã thỏa thuận tại Điều khoản và điều kiện này.
- l) Khách hàng đồng ý và chấp thuận rằng TPBank được quyền sử dụng thông tin của Khách hàng (bao gồm cả thông tin Thẻ của Khách hàng) trong các hoạt động của TPBank, được quyền xử lý dữ liệu cá nhân của khách hàng hoặc dữ liệu cá nhân do khách hàng cung cấp, được quyền cung cấp thông tin cho bên thứ ba (bao gồm các cơ quan, tổ chức, cá nhân có chức năng được thành lập và ký kết hợp đồng với Ngân hàng, tổ chức, cá nhân khác trong quá trình TPBank cung cấp dịch vụ Thẻ cho Khách hàng) nhằm phục vụ việc cung ứng dịch vụ Thẻ cho khách hàng, xử lý các trường hợp nghi ngờ gian lận, giả mạo, vi phạm quy định pháp luật.
- m) Được quyền tạm khóa Thẻ, đơn phương chấm dứt việc sử dụng Thẻ của Khách Hàng, Chủ Thẻ trong các trường hợp sau:
 - Khách Hàng, Chủ Thẻ không đến nhận Thẻ trong thời hạn quy định của NH;
 - Sau 30 ngày kể từ ngày đến hạn, nếu Khách Hàng không thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn giá trị thanh toán tối thiểu;
 - Chủ Thẻ đã chi tiêu vượt Hạn mức tín dụng mà không được NH cho phép;
 - Khách Hàng, Chủ Thẻ vi phạm các quy định về việc phát hành và sử dụng Thẻ của NH, vi phạm Điều khoản và Điều kiện này hoặc vi phạm các quy định của pháp luật;
 - NH phát hiện tài liệu, thông tin do Khách Hàng Chủ Thẻ cung cấp là không chính xác, không trung thực, sai sự thật;
 - Khách Hàng vi phạm nghĩa vụ trả nợ (bao gồm nợ gốc, lãi, phí và các chi phí khác phát sinh) với NH và/hoặc với bất kỳ bên thứ ba nào khác;
 - Chủ Thẻ, Khách Hàng liên quan đến các vụ kiện, vụ án mà theo quan điểm của NH thì có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng trả nợ của Khách Hàng;
 - Người đại diện hợp pháp của DN/Chủ Thẻ Phụ bị bắt, khởi tố, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc để chấp hành bản án hình sự;
 - Người đại diện hợp pháp của DN/Chủ Thẻ Phụ chết, mất tích;
 - Khách Hàng cơ cấu lại, bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;
 - Tài sản của Khách Hàng bị kê biên, phong tỏa, cầm giữ;
 - Các trường hợp liên quan đến thay đổi doanh thu hoặc không đáp ứng điều kiện sử dụng Thẻ theo quy định của NH;
 - Thẻ sử dụng để thực hiện các giao dịch bị cấm: các giao dịch cho các mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, lừa đảo, gian lận và các hành vi vi phạm pháp luật khác; giao dịch gian lận giả mạo hoặc phát sinh rủi ro theo đánh giá của TPBank; giao dịch khống/thanh toán hộ tại ĐVCNT (không phát sinh việc mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ);
 - Khi TPBank, Tổ chức thanh toán Thẻ có nghi ngờ về tính trung thực, mục đích giao dịch của Chủ Thẻ theo quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền;
 - Khi phát sinh các giao dịch mà TPBank nhận định là có rủi ro hoặc khi Khách Hàng/giao dịch của Khách Hàng có dấu hiệu/ nghi ngờ liên quan đến, trục lợi, rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, lừa đảo, gian lận hoặc có dấu hiệu/ nghi ngờ vi phạm pháp

- luật theo toàn quyền xác định của TPBank;
 - Khi TPBank đánh giá Khách hàng không còn đáp ứng điều kiện cấp hạn mức tín dụng thẻ và/hoặc có phát sinh các dấu hiệu rủi ro tín dụng hoặc có biến động bất lợi về tình tài chính tương ứng với xếp hạng rủi ro trung bình/ rủi ro cao theo toàn quyền đánh giá, xác định của TPBank
 - Các sự kiện khác mà theo đánh giá, xem xét của NH là có khả năng ảnh hưởng tới khả năng trả nợ đầy đủ, đúng hạn của Khách Hàng;
 - Các trường hợp khác theo quy định của NH và pháp luật.
- n) Thu hồi Thẻ vào bất cứ lúc nào bằng cách thông báo về việc thu hồi này cho Khách Hàng, Chủ Thẻ hoặc thông qua các TCTTT hoặc ĐVCNT trong các trường hợp Khách Hàng, Chủ Thẻ vi phạm quy định của pháp luật, của NH, của TCTQT hoặc vi phạm các thỏa thuận trong Điều khoản và Điều kiện này, hoặc các trường hợp nghi ngờ Thẻ giả, giả mạo. Trong trường hợp này, NH được miễn trách đối với bất kỳ sự phung hại nào tới danh dự, uy tín của Khách Hàng, Chủ Thẻ trong việc thu hồi lại Thẻ.
- o) Ghi nợ tài khoản giá trị tất cả các giao dịch Thẻ, các khoản phí và lãi phát sinh liên quan việc phát hành, sử dụng và thanh toán Thẻ theo biểu phí được NH quy định.
- p) Yêu cầu Khách Hàng, Chủ Thẻ cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu chứng minh khả năng tài chính của Khách Hàng, phương án sử dụng vốn khả thi, mục đích sử dụng vốn hợp pháp và thông tin Người có liên quan trước khi quyết định cấp tín dụng qua hình thức phát hành Thẻ tín dụng cho Khách Hàng.
- q) Yêu cầu Khách Hàng thanh toán các khoản giao dịch Thẻ và các khoản lãi, phí phát sinh liên quan đến việc phát hành, sử dụng và thanh toán Thẻ. Không chịu trách nhiệm về việc cung ứng hàng hoá, dịch vụ được thanh toán bằng Thẻ và được quyền ghi nợ vào tài khoản giá trị các giao dịch đã thanh toán bằng Thẻ cho dù hàng hoá, dịch vụ có được giao, nhận hoặc được thực hiện hay không. NH được quyền thu nợ, xử lý tài sản bảo đảm để thu nợ theo các phương thức mà NH lựa chọn mà không cần thêm bất cứ chấp thuận nào từ phía Khách Hàng (kể cả việc định giá tài sản để xử lý). Trường hợp Khách Hàng không thanh toán đúng hạn cho NH, NH có quyền tất toán/tắt toán trước hạn và thu nợ từ tài khoản tiền gửi (có kỳ hạn/không kỳ hạn), hợp đồng tiền gửi của Khách Hàng để thanh toán các khoản nợ phát sinh.
- r) Trường hợp NH tất toán trước hạn tiền gửi / hợp đồng tiền gửi của Khách Hàng, NH sẽ xử lý theo quy định về rút trước hạn tiền gửi/tiết kiệm theo quy định của NH.
- s) Được quyền lập Ủy Nhiệm thu yêu cầu NH mở tài khoản cho Chủ Thẻ trích tiền thu hồi nợ gốc, lãi trong trường hợp các khoản nợ gốc, nợ lãi của Khách Hàng bị chuyển sang nợ quá hạn, nợ lãi quá hạn
- t) Được quyền yêu cầu Khách Hàng sử dụng mọi tài sản và nguồn thu của Khách Hàng; yêu cầu bên nắm giữ tài sản của Khách Hàng, chuyển giao cho NH để thanh toán, hoàn trả các khoản nợ gốc, lãi và phí, cho phí khác phát sinh của Khách Hàng.
- u) Được quyền từ chối cấp phép các giao dịch Thẻ không hợp pháp, hợp lệ theo quy định của NH và pháp luật hoặc trong các trường hợp ngoài khả năng kiểm soát của NH
- v) Được quyền cung cấp các dịch vụ cho Khách Hàng, Chủ Thẻ (như cung cấp PIN,...) khi có yêu cầu của Chủ Thẻ, Khách Hàng, bao gồm cả các yêu cầu bằng lời nói, văn bản hoặc yêu cầu điện tử phù hợp với các quy định của pháp luật và quy định của NH.
- w) Được quyền từ chối thanh toán Thẻ và cung cấp các dịch vụ cho Khách Hàng, Chủ Thẻ trong các trường hợp sau đây:
- Sử dụng Thẻ để thực hiện các giao dịch Thẻ bị cấm theo quy định của NH và Pháp luật;
 - Thẻ đã được Chủ Thẻ thông báo bị mất;
 - Thẻ đã hết hạn sử dụng;

- Thẻ bị khóa;
 - Hạn mức tín dụng của Thẻ không đủ chi trả khoản thanh toán;
 - Chủ Thẻ vi phạm các quy định của NH trong các thỏa thuận giữa Chủ Thẻ với NH quy định tại Điều kiện và Điều khoản này;
 - Chủ Thẻ sử dụng Thẻ vi phạm pháp luật; vi phạm quy định của NH; có dấu hiệu gian lận, giả mạo.
 - Các trường hợp ngoài khả năng kiểm soát của NH.
- x) Khách Hàng, Chủ Thẻ vi phạm các quy định của NH trong các thỏa thuận giữa Chủ Thẻ với NH quy định tại Điều khoản và Điều kiện này; TPBank có quyền hủy bỏ hoặc chấm dứt Sản phẩm trả góp bất cứ lúc nào bằng việc thông báo cho KH và yêu cầu KH thanh toán ngay toàn bộ số dư còn lại của Khoản trả góp khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
- KH vi phạm Điều khoản, Điều kiện của Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ giữa TPBank và Khách Hàng hoặc vi phạm các điều khoản sau:
 - Giao dịch đăng ký trả góp chưa được hệ thống TPBank ghi nhận thành công và đã lên Sao kê trong tháng thực hiện giao dịch.
 - Thẻ Tín dụng của Khách Hàng chưa ở trạng thái hoạt động (trạng thái “Valid Card” theo ghi nhận trong hệ thống TPBank) tại thời điểm đăng ký trả góp
 - Thời hạn hiệu lực còn lại của hạn mức tín dụng Thẻ nhỏ hơn thời hạn đăng ký trả góp.
- y) Được quyền áp dụng Phí phạt giao dịch Thẻ nếu Chủ Thẻ/KH được NH đánh giá/nhận định Chủ Thẻ sử dụng Thẻ với mục đích giao dịch thanh toán hộ, giao dịch khống.
- z) Được quyền từ chối phát hành Thẻ đồng thời chấm dứt Hợp đồng với Khách Hàng/Chủ Thẻ nếu TPBank nhận định Chủ Thẻ sử dụng Thẻ với mục đích trục lợi, rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và/ hoặc các mục đích trái pháp luật hoặc Chủ Thẻ vi phạm, không tuân thủ theo Điều khoản và Điều kiện này.
- aa) Được toàn quyền phong tỏa, chặn ghi nợ Tài khoản thanh toán của KH để đảm bảo thu hồi nợ Thẻ mà không cần thông báo cho Khách hàng.
- bb) Khách hàng đồng ý và chấp thuận rằng TPBank được quyền sử dụng thông tin của Khách hàng (bao gồm cả thông tin Thẻ của Khách hàng) trong các hoạt động của TPBank, được quyền xử lý dữ liệu cá nhân của khách hàng hoặc dữ liệu cá nhân do khách hàng cung cấp theo Điều kiện, điều khoản về bảo vệ dữ liệu cá nhân (dành cho tổ chức, doanh nghiệp); Điều kiện, điều khoản về bảo vệ dữ liệu cá nhân (dành cho cá nhân) được công bố trên website www.tpb.vn, được quyền cung cấp thông tin cho bên thứ ba (bao gồm các cơ quan, tổ chức, cá nhân có chức năng được thành lập và ký kết hợp đồng với Ngân hàng, tổ chức, cá nhân khác trong quá trình TPBank cung cấp dịch vụ Thẻ cho Khách hàng) nhằm phục vụ việc cung ứng dịch vụ Thẻ cho khách hàng, xử lý các trường hợp nghi ngờ gian lận, giả mạo, vi phạm quy định pháp luật.
- cc) Các quyền khác theo quy định của Điều khoản và Điều kiện này và các quy định có liên quan của pháp luật.
2. Nghĩa vụ của Ngân hàng
- a) Tuân thủ các quy định về phát hành, thanh toán Thẻ của pháp luật Việt Nam và tổ chức Thẻ quốc tế.
 - b) Bảo mật các thông tin liên quan đến Khách Hàng, Chủ Thẻ theo quy định của pháp luật và chỉ cung cấp các thông tin này trong những trường hợp theo quy định của pháp luật và thỏa thuận với Khách Hàng.
 - c) Định kỳ thực hiện kiểm tra đối chiếu, xác minh lại thông tin nhận biết KH trong quá trình sử dụng Thẻ: TPBank chủ động thực hiện theo chương trình cập nhật thông tin KH theo quy định về Phòng chống rửa tiền và Nhận biết KH.

- d) NH chỉ chịu trách nhiệm với toàn bộ tổn thất tài chính phát sinh đối với Chủ Thẻ do việc sử dụng Thẻ sau thời điểm khóa Thẻ.
- e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ này và các quy định có liên quan của pháp luật.

Điều 10. QUY ĐỊNH VỀ XỬ LÝ TRA SOÁT, KHIẾU NẠI

1. Phương thức tiếp nhận đề nghị tra soát, khiếu nại
 - a) Khách hàng/Chủ Thẻ có trách nhiệm thực hiện gửi đề nghị tra soát bằng văn bản hoặc bằng lời nói³ (có ghi âm, hoạt động 24/24 giờ trong ngày và 7/7 ngày trong tuần)/khiếu nại bằng văn bản tới TPBank trong vòng 40 ngày kể từ ngày giao dịch phát sinh. Quá thời hạn trên, TPBank vẫn tiếp tục hỗ trợ giải quyết tra soát khiếu nại nhưng TPBank không chịu trách nhiệm về kết quả tra soát mà kết quả tra soát khiếu nại sẽ phụ thuộc vào thiện chí của các đối tác khác có liên quan và Khách Hàng sẽ phải chịu hoàn toàn thiệt hại phát sinh do khiếu nại chậm. TPBank sẽ từ chối tiếp nhận các yêu cầu tra soát khiếu nại nếu trong vòng 40 ngày kể từ ngày phát sinh giao dịch mà Chủ Thẻ/Khách hàng không gửi yêu cầu tra soát khiếu nại cho TPBank.
 - b) Trong trường hợp Người đại diện hợp pháp của DN/Chủ thẻ Phụ gửi các yêu cầu tra soát bằng phương thức lời nói thì Khách Hàng có nghĩa vụ bổ sung yêu cầu tra soát bằng văn bản theo mẫu của NH và gửi tới NH trong vòng 07 ngày kể từ ngày gửi yêu cầu tra soát bằng lời nói. Trường hợp các nội dung tại yêu cầu tra soát bằng văn bản của Khách Hàng/Chủ Thẻ có khác biệt so với yêu cầu tra soát bằng phương thức lời nói với NH thì Khách Hàng đồng ý như sau:
 - Nếu yêu cầu tra soát bằng phương thức lời nói của Khách Hàng/Chủ Thẻ Người đại diện hợp pháp của DN/Chủ thẻ Phụ đã được NH xử lý thì Khách Hàng đồng ý rằng yêu cầu tra soát bằng phương thức lời nói có giá trị pháp lý ràng buộc với KH và sẽ là căn cứ để xử lý giao dịch tra soát, khiếu nại (nếu có) giữa các bên. Khách Hàng có trách nhiệm gửi lại tra soát bằng văn bản cho NH với nội dung trùng khớp với yêu cầu tra soát bằng lời nói trong vòng 07 ngày kể từ ngày gửi yêu cầu tra soát bằng lời nói.
 - Nếu yêu cầu tra soát bằng phương thức lời nói của Khách Hàng/Chủ Thẻ/Người đại diện hợp pháp của DN/Chủ thẻ Phụ chưa được NH xử lý thì Khách Hàng đồng ý rằng yêu cầu tra soát bằng văn bản có giá trị pháp lý và sẽ là căn cứ để xử lý giao dịch tra soát (nếu có) giữa các bên.
 - Khách Hàng phải chịu phí khiếu nại theo quy định của NH (nếu có phát sinh).
 - c) Khách Hàng, Chủ Thẻ, Người đại diện hợp pháp của DN/Chủ thẻ Phụ cần tuân thủ đầy đủ các quy định, yêu cầu và thủ tục theo quy định của TPBank khi thực hiện tra soát, khiếu nại phù hợp với quy định của Pháp luật.
2. Thời hạn xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại của TPBank
 - a) Tùy thuộc vào từng loại Thẻ và vào từng loại hình giao dịch Thẻ mà Chủ Thẻ thực hiện (giao dịch Thẻ trong nội mạng TPBank, giao dịch Thẻ liên ngân hàng, giao dịch thanh toán, giao dịch rút tiền mặt tại ATM....), TPBank sẽ giải quyết và trả lời các đề nghị tra soát, khiếu nại của Khách hàng/Chủ Thẻ trong thời hạn tương ứng với tính chất của từng giao dịch trên cơ sở tuân thủ thời gian xử lý tra soát, khiếu nại tối đa của pháp luật.
 - b) Thời hạn giải quyết và trả lời đề nghị tra soát, khiếu nại thực hiện theo quy định của TPBank trong từng thời kỳ và đảm bảo trong thời hạn tối đa 40 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đề nghị tra soát, khiếu nại lần đầu của Khách hàng theo một trong các hình thức tiếp nhận quy định tại khoản 1 Điều này, TPBank có trách nhiệm xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại của Khách Hàng. Thời hạn xử lý tối đa này áp dụng đối với cả Thẻ có BIN do Ngân hàng nhà nước cấp và Thẻ có BIN do TCTQT cấp.
3. Xử lý kết quả tra soát, khiếu nại

³ Các yêu cầu khiếu nại không có giá trị pháp lý ràng buộc với NH bằng phương thức lời nói

- a) Đối với trường hợp những tổn thất phát sinh không do lỗi của Chủ Thẻ và/hoặc không thuộc các trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều khoản và Điều kiện này: TPBank thực hiện bồi hoàn cho Khách Hàng trong thời hạn tối đa là 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo kết quả tra soát, khiếu nại cho Khách Hàng. Trường hợp tổn thất phát sinh do lỗi của các bên liên quan, bên có lỗi thực hiện bồi hoàn cho TPBank theo thỏa thuận giữa các bên phù hợp với quy định của pháp luật.
- b) Đối với trường hợp không xác định được nguyên nhân/ lỗi thuộc về bên nào: trong vòng 15 ngày làm việc, TPBank thỏa thuận với Khách hàng về phương án xử lý hoặc tạm thời bồi hoàn tổn thất cho Khách Hàng cho đến khi có kết luận cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền phân định rõ lỗi và trách nhiệm của các bên. Trong trường hợp có kết luận của cơ quan có thẩm quyền về việc tổn thất phát sinh do lỗi của Chủ Thẻ, Khách hàng có trách nhiệm hoàn trả lại toàn bộ số tiền do TPBank đã tạm ứng.
- c) Đối với trường hợp vụ việc có dấu hiệu tội phạm; TPBank thực hiện thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự và báo cáo Ngân hàng Nhà nước, đồng thời thông báo bằng văn bản cho Khách hàng về tình trạng xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại. Trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo kết quả giải quyết không có yếu tố tội phạm, trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, TPBank thỏa thuận với Khách hàng về phương án xử lý kết quả tra soát, khiếu nại.
- d) Trường hợp TPBank, Khách Hàng/Chủ Thẻ và các bên liên quan không thỏa thuận được và/ hoặc không đồng ý với quá trình đề nghị tra soát, khiếu nại thì việc tranh chấp được thực hiện theo quy định của Pháp luật.

Điều 11. CÁC TRƯỜNG HỢP TỪ CHỐI THANH TOÁN THẺ, TẠM KHÓA, THU GIỮ THẺ, HỦY HIỆU LỰC (CHẤM DỨT SỬ DỤNG) THẺ VÀ ĐÌNH CHỈ SỬ DỤNG THẺ

1. Từ chối thanh toán Thẻ

Thẻ sẽ bị từ chối thanh toán trong các trường hợp sau:

- a) Chủ thẻ chủ động sử dụng Thẻ hoặc sử dụng Thẻ theo yêu cầu của Tổ chức để thực hiện các giao dịch bị cấm theo quy định pháp luật khác liên quan và quy định của TPBank;
- b) Thẻ đã được Chủ Thẻ thông báo bị mất và TPBank đã xác nhận việc nhận được thông báo này;
- c) Thẻ đã hết thời hạn sử dụng Thẻ;
- d) Thẻ bị khóa;
- e) Thẻ tín dụng phát sinh khoản nợ bị quá hạn;
- f) Thẻ giả hoặc Thẻ có liên quan đến giao dịch giả mạo;
- g) Thẻ sử dụng để thực hiện các giao dịch cho các mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, lừa đảo, gian lận và các hành vi vi phạm pháp luật khác; giao dịch gian lận giả mạo hoặc phát sinh rủi ro theo đánh giá của TPBank; giao dịch khống tại ĐVCNT (không phát sinh việc mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ);
- h) Chủ Thẻ vi phạm các quy định của Điều khoản và Điều kiện này;
- i) Phục vụ công tác điều tra, xử lý tội phạm theo quy định của pháp luật;
- j) Khi TPBank, Tổ chức thanh toán thẻ có nghi ngờ về tính trung thực, mục đích giao dịch của chủ thẻ theo quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền;
- k) Thẻ hỏng, xước, cong vênh;
- l) Các trường hợp khác theo quy định của TPBank và/hoặc pháp luật.

2. Thu giữ Thẻ

- a) Thẻ sẽ bị thu giữ trong các trường hợp sau
 - Thẻ nằm trong danh sách đen, thẻ giả, Thẻ hết thời hạn sử dụng Thẻ;

- Thẻ sử dụng trái phép;
 - Theo yêu cầu của Khách Hàng/Chủ Thẻ;
 - Các trường hợp theo yêu cầu của TPBank, của TCTQT và của Pháp luật
- b) TPBank được miễn trách nhiệm đối với bất kỳ sự phung hại nào tới danh dự, uy tín của Khách Hàng/Chủ Thẻ trong việc yêu cầu thu hồi lại Thẻ.
3. Tạm dừng giao dịch Thẻ
- a) Thẻ sẽ bị tạm dừng giao dịch trong các trường hợp sau:
- Giấy tờ tùy thân, giấy tờ chứng minh thời hạn cư trú tại Việt Nam hết hiệu lực.
 - Thẻ sử dụng trái phép;
 - Theo yêu cầu của Khách Hàng/Chủ Thẻ;
 - Trường hợp khác theo quy định của TPBank, của TCTQT và của Pháp luật.
- b) TPBank được miễn trách nhiệm đối với bất kỳ sự phung hại nào tới danh dự, uy tín của Khách Hàng/Chủ Thẻ trong việc tạm dừng giao dịch Thẻ.
4. Tạm khóa Thẻ
- a) TPBank có quyền tạm khóa Thẻ của Khách hàng, Chủ Thẻ và thông báo cho Khách Hàng, Chủ Thẻ qua email/điện thoại mà Khách Hàng, Chủ Thẻ đã đăng ký với TPBank trong các trường hợp sau:
- Chủ Thẻ vi phạm các quy định của Điều khoản và Điều kiện này, các quy định của TCTQT là của pháp luật liên quan đến việc sử dụng Thẻ;
 - Khách Hàng/Chủ Thẻ có thông báo cho TPBank về Người đại diện hợp pháp của Tổ chức/ Chủ thẻ phụ chết, bị tuyên là đã chết;
 - Khách Hàng giải thể, phá sản, bị tuyên bố giải thể, phá sản;
 - Khi TPBank, Tổ chức thanh toán thẻ có nghi ngờ về tính trung thực, mục đích giao dịch của Chủ thẻ theo quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền;
 - Khách Hàng/Chủ Thẻ có yêu cầu ngừng sử dụng Thẻ;
 - TPBank nghi ngờ việc sử dụng Thẻ có thể bị rủi ro theo chính sách quản lý rủi ro Thẻ của TPBank theo từng thời kỳ. Trường hợp này, TPBank sẽ thông báo, tư vấn Khách hàng phương án xử lý phù hợp.
 - Giấy tờ tùy thân, giấy tờ chứng minh thời hạn cư trú tại Việt Nam hết hiệu lực.
 - Trường hợp khác theo quy định của TPBank, của TCTQT và của Pháp luật.
- b) Khi Khách Hàng, Chủ Thẻ đáp ứng các điều kiện theo quy định của TPBank và Khách hàng có yêu cầu, TPBank sẽ thực hiện mở lại Thẻ tạm thời bị khóa cho Khách Hàng theo quy định của TPBank.
5. Hủy hiệu lực (Chấm dứt sử dụng) Thẻ
- a) TPBank có quyền chấm dứt việc sử dụng Thẻ khi
- Chủ Thẻ vi phạm Điều khoản và Điều kiện này, các quy định về sử dụng Thẻ của TPBank hoặc vi phạm luật pháp của Nhà nước có liên quan đến việc sử dụng Thẻ;
 - Các trường hợp liên quan đến giả mạo và quản lý rủi ro;
 - Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc TCTQT về việc ngừng /chấm dứt sử dụng Thẻ;
 - Theo yêu cầu của Khách Hàng/Chủ Thẻ;
 - Thẻ bị mất cắp, thất lạc và Khách Hàng không có nhu cầu tiếp tục sử dụng Thẻ;
 - Các trường hợp khác theo đánh giá của TPBank phù hợp với quy định của pháp luật
- b) Việc chấm dứt sử dụng Thẻ sẽ có hiệu lực ngay khi TPBank thông báo cho Chủ Thẻ (việc thông báo được TPBank quyết định thực hiện qua mail/SMS/gọi trực tiếp) và/hoặc khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu. Khi chấm dứt sử dụng Thẻ, Khách Hàng phải thanh toán toàn bộ nghĩa vụ tài chính phát sinh do việc sử dụng Thẻ theo Điều khoản và Điều kiện này và quy định của Pháp luật.
- c) Việc chấm dứt sử dụng Thẻ của Khách Hàng không làm ảnh hưởng đến bất kỳ nghĩa vụ của Khách Hàng trước và sau khi Thẻ bị chấm dứt với TPBank. TPBank được miễn trừ trách nhiệm đối với bất kỳ vấn đề nào làm phung hại tới danh dự, uy tín của Chủ Thẻ trong việc yêu cầu chấm dứt sử dụng Thẻ này.

Điều 12. ĐẢM BẢO AN TOÀN, BẢO MẬT TRONG SỬ DỤNG THẺ

1. Khách Hàng không được cho người khác giữ, sử dụng Thẻ, kiểm soát Thẻ dưới bất kỳ hình thức nào, không chuyển nhượng Thẻ cho người khác, cầm cố/thẻ chấp Thẻ cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào.
2. Khách Hàng không thực hiện giao dịch, nhập bất kỳ thông tin Thẻ tại các ĐVCNT không tín nhiệm, đáng ngờ, hạn chế hoặc chấm dứt mở tính năng thanh toán qua Internet khi không cần thiết; thay đổi PIN và các mã xác nhận Chủ thẻ khác liên tục để tránh rủi ro, chi phí, thiệt hại, tổn thất phát sinh.
3. Chủ thẻ phải bảo quản Thẻ, bảo mật PIN, các mã số xác nhận Chủ Thẻ khác, các thông tin Thẻ bao gồm nhưng không giới hạn số Thẻ và PIN, thông tin giao dịch Thẻ, không để lộ thông tin Thẻ bao gồm cả số Thẻ và PIN cho bất kỳ người nào khác, thông báo và phối hợp với TPBank để xử lý khi xảy ra các trường hợp mất Thẻ hoặc có yêu cầu tra soát, khiếu nại. Bất kỳ việc sử dụng Thẻ với PIN và/hoặc OTP/eToken dù được thực hiện bởi Chủ Thẻ và/hoặc bất kỳ người nào khác đều được xem là do chính Chủ Thẻ sử dụng/ thực hiện và Chủ Thẻ phải có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ hoặc gánh chịu bất kỳ hậu quả nào phát sinh từ các giao dịch đó.
4. Trường hợp Thẻ bị mất, thất lạc hoặc nghi ngờ lộ thông tin Thẻ, các yếu tố bảo mật Thẻ bị lộ, lợi dụng, Khách Hàng phải thông báo ngay lập tức cho TPBank theo số điện thoại đường dây nóng được đăng tải trên website của TPBank tại từng thời điểm hoặc điểm giao dịch của TPBank gần nhất và chính thức xác nhận thông báo đó bằng văn bản cho TPBank trong vòng 24 giờ.
5. Đối với PIN điện tử, Chủ Thẻ cần thực hiện đổi PIN tại máy ATM/VTMs sau khi nhận được mã PIN. Trường hợp quên mã PIN, Chủ Thẻ cần yêu cầu NH cấp lại PIN điện tử khác. Phương thức yêu cầu cấp lại PIN do NH quy định từng thời kỳ.
6. TPBank sẽ thực hiện các biện pháp kiểm tra, đối chiếu, xác minh thông tin nhận biết Khách hàng trong quá trình phát hành và sử dụng Thẻ theo quy định của Pháp luật và theo NH quy định.
7. TPBank (hoặc phối hợp với các Tổ chức thanh toán Thẻ, Tổ chức chuyển mạch Thẻ, tổ chức bù trừ điện tử) sẽ thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, phòng ngừa rủi ro cho giao dịch Thẻ theo các nguyên tắc quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng điện tử; bảo mật thông tin liên quan đến hoạt động Thẻ; bảo đảm hệ thống cơ sở hạ tầng, kỹ thuật phục vụ quản lý hoạt động phát hành, thanh toán Thẻ vận hành thông suốt và an toàn.
8. TPBank sẽ thiết lập, duy trì đường dây nóng liên tục 24/7 để tiếp nhận, xử lý kịp thời các thông tin phản ánh của chủ Thẻ.

Điều 13. LUẬT ĐIỀU CHỈNH, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

1. Điều khoản và Điều kiện này được điều chỉnh bởi luật pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các quy định về phát hành, sử dụng và thanh toán Thẻ quốc tế.
2. Nếu có bất kỳ tranh chấp nào phát sinh hoặc liên quan đến việc giải thích từ ngữ cũng như việc thực hiện Điều khoản và Điều kiện này giữa Khách Hàng và NH trước hết sẽ được giải quyết thông qua thương lượng, hoà giải. Trong trường hợp hoà giải không thành, việc giải quyết tranh chấp sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật. Trường hợp quyền, nghĩa vụ của các Bên bị cản trở và/hoặc không thực hiện được, mọi tranh chấp của hai bên sẽ được đưa ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết. Quyết định của Tòa án là phán quyết duy nhất và có giá trị bắt buộc với các bên. Bên thua kiện phải chịu toàn bộ án phí, lệ phí, các chi phí phát sinh liên quan đến việc giải quyết tranh chấp.

Điều 14. CÁC TRƯỜNG HỢP MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Khách Hàng, Chủ Thẻ tại đây đồng ý:

1. TPBank được miễn trừ mọi trách nhiệm trong trường hợp hệ thống xử lý, hệ thống truyền tin,... bị lỗi hoặc bất kỳ trường hợp nào khác xảy ra ngoài khả năng kiểm soát của TPBank gây nên khiến Khách Hàng/Chủ Thẻ không thực hiện được giao dịch Thẻ, gánh chịu thiệt hại, tổn thất dưới bất kỳ hình thức nào kể cả tổn thất phát sinh do Thẻ bị lợi dụng, bị thực hiện các giao dịch trái phép; hoặc các trường hợp

TPBank không gửi hoặc đã gửi nhưng Khách Hàng không nhận được các tin nhắn, thông báo liên quan tới biến động số dư Tài khoản liên kết với Thẻ hoặc thông báo về các nội dung liên quan đến tài khoản hoặc giao dịch Thẻ của Chủ Thẻ do lỗi hệ thống, lỗi đường truyền, các lỗi kĩ thuật, sự cố hoặc lỗi khác của Nhà cung cấp dịch vụ/TPBank hoặc vì bất kì lý do khách quan nào khác ; và các trường hợp khác do lỗi, vi phạm của Khách Hàng/Chủ Thẻ.

2. NH được miễn trách trong trường hợp vì lý do để bảo đảm an toàn và hạn chế rủi ro cho Chủ Thẻ, NH không thực hiện hoặc chậm trễ trong việc thực hiện các thỏa thuận tại Điều khoản và Điều kiện này.
3. NH không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ trường hợp nào Thẻ bị ĐVCNT từ chối. Đồng thời không chịu trách nhiệm về việc cung ứng hàng hoá, dịch vụ được thanh toán bằng Thẻ và được quyền ghi nợ vào tài khoản giá trị các giao dịch đã thanh toán bằng Thẻ cho dù hàng hoá, dịch vụ có được giao, nhận hoặc được thực hiện hay không
4. NH miễn trách trong việc không thực hiện, kết quả tra soát khiếu nại đối với các yêu cầu tra soát khiếu nại gửi tới NH sau thời hạn theo quy định tại mục IX và mục XI Điều khoản điều kiện này.
5. NH được miễn trách cho việc không thực hiện các nghĩa vụ của mình trong hợp đồng khi nguyên nhân của việc không thực hiện đó xuất phát từ nguyên nhân của các trường hợp bất khả kháng như thiên tai (bao gồm hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, bão tố hay các thảm họa tự nhiên khác), dịch họa, chiến tranh, các hoạt động khủng bố, bao vây, cấm vận, tranh chấp lao động, bãi công.

Điều 15. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

1. Nếu Chủ Thẻ sử dụng Thẻ để đặt trước các dịch vụ nhưng không sử dụng dịch vụ đó và không thông báo huỷ dịch vụ trong thời hạn quy định của ĐVCNT, Khách Hàng có thể phải thanh toán một phần hoặc toàn bộ giá trị dịch vụ, các loại thuế và phí liên quan theo quy định của từng ĐVCNT. NH có quyền ghi nợ tài khoản của Khách Hàng đối với các trường hợp này.
2. Bất cứ yêu cầu nào của Khách Hàng liên quan đến việc phát hành và sử dụng Thẻ phải được thực hiện bằng văn bản hoặc bằng hình thức được pháp luật cho phép hoặc do hai bên thỏa thuận. NH sẽ không chịu trách nhiệm về những thiệt hại phát sinh do việc thực hiện theo các yêu cầu của Khách Hàng không thực hiện thông qua các hình thức này.
3. Trừ khi NH có văn bản khước từ quyền hạn, quyền lực hay biện pháp của mình, mọi sự thất bại hay chậm trễ trong việc thực thi bất kỳ quyền hạn, quyền lực hay biện pháp nào của NH sẽ không coi như là sự khước từ toàn bộ hay khước từ một phần các quyền hạn, quyền lực hay biện pháp đó.
4. Chi phí gia tăng: Khi phát sinh sự kiện làm tăng chi phí NH, NH sẽ tính toán và thông báo cho Khách Hàng số chi phí tăng thêm mà Khách Hàng có nghĩa vụ thanh toán. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông báo, Khách Hàng có nghĩa vụ bồi hoàn cho NH số tiền chi phí tăng thêm được quy định trong Thông báo. Trường hợp Khách Hàng chậm trả số tiền chi phí tăng thêm này, Chủ Thẻ sẽ phải chịu lãi suất trong hạn và phí đối với số tiền chậm trả này được quy định tại Điều khoản và Điều kiện này.

Điều 16. TUÂN THỦ ĐẠO LUẬT TUÂN THỦ THUẾ ĐỐI VỚI CHỦ TÀI KHOẢN NƯỚC NGOÀI CỦA HOA KỲ (FATCA)

1. Giải thích từ ngữ.
 - d) FATCA (Foreign Account Tax Compliance) là đạo luật tuân thủ thuế đối với chủ tài khoản nước ngoài được chính phủ Hoa Kỳ ban hành nhằm mục đích ngăn chặn tình trạng trốn thuế của các đối tượng nộp thuế tại Hoa Kỳ thông qua tài khoản chính mở tại các tổ chức tài chính ở Hoa Kỳ. FATCA được thông qua năm 2010 và chính thức có hiệu lực ngày 01/07/2014.
 - e) Định chế tài chính: Theo quy định FATCA, một tổ chức được coi là định chế tài chính trong các trường hợp sau:
 - + Nhận tiền gửi trong quá trình hoạt động kinh doanh các nghiệp vụ ngân hàng thông thường hoặc hoạt động kinh doanh tương tự.

- + Có hoạt động kinh doanh tài chính là nắm giữ các tài sản tài chính vì lợi ích của một hoặc nhiều đối tượng khác (ví dụ như công ty chứng khoán)
 - + Là một tổ chức đầu tư (ví dụ như: công ty quản lý quỹ)
 - + Là một công ty bảo hiểm hoặc một công ty chủ vốn mà là thành viên của một nhóm liên kết mở rộng trong đó có một công ty bảo hiểm và công ty bảo hiểm hoặc công ty chủ vốn đó phát hành, hoặc có nghĩa vụ thanh toán đối với một hợp đồng bảo hiểm giá trị tiền mặt hoặc hợp đồng niên kim.
 - + Một tổ chức đóng vai trò là một công ty chủ vốn hoặc trung tâm nguồn vốn.
- f) Tổ chức phi tài chính: Tổ chức được coi là tổ chức phi tài chính nếu không có các hoạt động thuộc các trường hợp nêu tại phần giải thích từ ngữ về định chế tài chính trên đây.
2. Ngân hàng là một tổ chức tuân thủ FATCA. Nên Ngân hàng có nghĩa vụ yêu cầu Khách hàng cung cấp một số thông tin và/hoặc tài liệu hỗ trợ cho mục đích xác định trạng thái FATCA. Các thông tin do Ngân hàng thu thập sẽ chỉ sử dụng cho mục đích đáp ứng yêu cầu tuân thủ FATCA và sẽ không được sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.
3. Cho mục đích FATCA, Khách hàng có trách nhiệm:
- g) Cung cấp cho Ngân hàng các thông tin và/hoặc tài liệu hỗ trợ cho mục đích xác định trạng thái FATCA (nếu được yêu cầu). Khách hàng chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin cung cấp cho TPBank.
 - h) Thông báo cho Ngân hàng ngay khi phát sinh bất kỳ thay đổi nào liên quan đến các thông tin đã được kê khai trên mẫu đăng ký mở tài khoản cũng như cung cấp tài liệu hỗ trợ liên quan đến việc thay đổi thông tin (nếu được yêu cầu).
4. Trường hợp được xác định là đối tượng phải báo cáo hoặc khấu trừ theo yêu cầu tuân thủ FATCA, trong phạm vi FATCA yêu cầu, Khách hàng đồng ý:
- i) Cho phép TPBank báo cáo thông tin về các tài khoản mở tại TPBank cho IRS theo yêu cầu của IRS hoặc cơ quan có thẩm quyền theo thỏa thuận giữa chính phủ Việt Nam và IRS.
 - j) Đồng ý để TPBank thực hiện các nghĩa vụ tuân thủ FATCA, bao gồm trường hợp phải khấu trừ thuế 30%.
 - k) Ngân hàng có thể thu hồi hoặc khấu trừ bất kỳ khoản thanh toán nào cho Khách hàng hoặc chuyển khoản cho Khách hàng từ tài khoản nếu khoản thu đó được yêu cầu thu hồi hoặc khấu trừ theo luật hoặc quy định của pháp luật đặc biệt là quy định về FATCA.

Điều 17. TRAO ĐỔI THÔNG TIN, CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

1. TPBank thông báo cho Khách Hàng về việc phát hành Thẻ, hạn mức tín dụng Thẻ, số dư tài khoản, lịch sử giao dịch thẻ và các thông tin cần thiết khác theo quy định của pháp luật hoặc được phép sửa đổi nội dung Điều khoản và Điều kiện này, chính sách sản phẩm Thẻ, phí và thông báo cho Khách Hàng bằng một trong các phương thức liên hệ mà TPBank cho là phù hợp (bao gồm nhưng không giới hạn một hoặc một số phương thức: thông báo bằng văn bản cho Khách Hàng, gọi điện thoại, gửi tin nhắn SMS tới số điện thoại của Khách Hàng, gửi email hoặc thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng và/hoặc phương tiện truyền thông của TPBank...). Các sửa đổi, bổ sung này có hiệu lực kể từ ngày được ghi rõ trong thông báo hoặc từ ngày TPBank gửi thông báo (nếu không ghi rõ ngày hiệu lực trên thông báo).
2. Kể từ ngày TPBank áp dụng sửa đổi, bổ sung Điều khoản, điều kiện này, nếu Khách Hàng không đồng ý với các nội dung sửa đổi, bổ sung do TPBank đưa ra, Khách Hàng có trách nhiệm thông báo với TPBank để thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ này.
3. Nếu Khách Hàng tiếp tục sử dụng Thẻ kể từ ngày TPBank áp dụng sửa đổi, bổ sung Điều khoản, điều kiện (bao gồm cả việc Khách Hàng phản hồi là không nhận được thông báo/cho rằng hình thức thông báo là không phù hợp), sẽ được hiểu là Khách Hàng chấp nhận hoàn toàn các sửa đổi, bổ sung đó.

Điều 18. THỜI HẠN HIỆU LỰC VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Điều khoản và Điều kiện này có hiệu lực kể từ ngày NH phê duyệt chấp nhận phát hành Thẻ cho KH theo yêu cầu trên Giấy đề nghị kèm Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ đa năng quốc tế dành cho Khách

hàng Tổ chức cho đến khi có sự kiện pháp lý làm chấm dứt việc sử dụng Thẻ của Chủ Thẻ và Chủ Thẻ đã hoàn thành mọi nghĩa vụ đối với NH theo Điều khoản và Điều kiện này hoặc 02 kỳ sao kê tiếp theo kể từ thời điểm NH tiếp nhận yêu cầu đề nghị chấm dứt việc sử dụng Thẻ của Chủ thẻ tùy trường hợp nào đến sau.

2. Đến thời điểm hết thời hạn hiệu lực Thẻ, nếu NH không nhận được bất kỳ thông báo nào của Chủ Thẻ về việc ngừng sử dụng Thẻ, được coi như Chủ Thẻ vẫn có nhu cầu sử dụng Thẻ và Chủ Thẻ phải tuân theo các quy định về gia hạn thời hạn hiệu lực Thẻ của NH, NH có toàn quyền xem xét và quyết định thực hiện việc gia hạn Thẻ theo quy định của NH tại từng thời kỳ, bao gồm cả việc thực hiện gia hạn Thẻ tự động. Việc gia hạn Thẻ có thể được thực hiện mỗi chu kỳ với thời hạn tối đa năm (05) năm. NH sẽ thông báo tới Chủ Thẻ về việc Thẻ được gia hạn dưới bất kỳ hình thức nào. Với trường hợp NH thực hiện gia hạn Thẻ tự động, trong thời gian 07 ngày kể ngày NH gửi thông báo, nếu NH không nhận được phản hồi từ chối bằng văn bản từ Chủ Thẻ, điều này được hiểu Chủ Thẻ đồng ý với việc thực hiện gia hạn Thẻ của NH.
3. Những tài liệu kèm theo hoặc để thực hiện Điều khoản và Điều kiện này (Giấy đề nghị phát hành thẻ, thư xác nhận của đơn vị công tác, hợp đồng bảo đảm, thông báo chấp thuận phát hành thẻ đa năng TPBank Visa, sao kê, biểu phí phát hành và sử dụng thẻ, đơn đề nghị tăng/giảm hạn mức tín dụng...) là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng.
4. Khi có điều chỉnh nội dung Điều Khoản và Điều kiện này, NH sẽ thông báo tới Chủ Thẻ về các điều chỉnh này bằng các hình thức mà NH cho là phù hợp. Nếu có bên nước ngoài tham gia, các bên thống nhất sử dụng bản song ngữ với tiếng nước ngoài thông dụng và tiếng Việt. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa nội dung tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung tiếng Việt có giá trị sử dụng.
5. Chủ Thẻ đã đọc, hiểu rõ và đồng ý với Điều khoản và Điều kiện này và xác nhận bằng việc ký trên Giấy đề nghị kèm Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ đa năng quốc tế dành cho Khách hàng Tổ chức, cam kết thực hiện đúng, đồng thời tuân thủ các quy định của pháp luật nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, quy định của TCTQT và pháp luật của nước sở tại nơi Chủ Thẻ thực hiện Giao dịch Thẻ.